

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC QUẢN LÝ VÀ CÔNG NGHỆ HẢI PHÒNG**

---



# **KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP**

**NGÀNH LUẬT**

**HẢI PHÒNG – 2022**

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO**  
**TRƯỜNG ĐẠI HỌC QUẢN LÝ VÀ CÔNG NGHỆ HẢI PHÒNG**

-----

**QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA CHA MẸ ĐỐI VỚI CON**  
**THEO LUẬT HÔN NHÂN VÀ GIA ĐÌNH VIỆT NAM**  
**2014**

**KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC HỆ CHÍNH QUY**  
**NGÀNH LUẬT**

**Sinh viên : Hồ Văn Hải**

**Giảng viên hướng dẫn: ThS. Vũ Thị Thanh Lan**

**HẢI PHÒNG – 2022**

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC QUẢN LÝ VÀ CÔNG NGHỆ HẢI PHÒNG

---

**NHIỆM VỤ ĐỀ TÀI TỐT NGHIỆP**

Sinh viên: Hồ Văn Hải

Mã SV: 1812901007

Lớp : PL2201K

Ngành : Luật

Tên đề tài: Quyền và nghĩa vụ của cha mẹ đối với con theo Luật  
hôn nhân và gia đình Việt Nam 2014

## **NHIỆM VỤ ĐỀ TÀI**

### **1. Nội dung và các yêu cầu cần giải quyết trong nhiệm vụ đề tài tốt nghiệp**

- Nghiên cứu cơ sở lý luận, ý nghĩa và tầm quan trọng của các quy định về quyền và nghĩa vụ của cha mẹ đối với con;

- Phân tích, làm rõ nội dung của các quy định về quyền và nghĩa vụ của cha mẹ đối với con theo Luật hôn nhân và gia đình Việt Nam;

- Phân tích, đánh giá những bất cập còn tồn tại trong thực tiễn thực hiện đối với những quy định về quyền và nghĩa vụ của cha mẹ đối với con, qua đó đề xuất phương hướng, giải pháp hoàn thiện.

### **2. Các tài liệu, số liệu cần thiết**

- Luật hôn nhân và gia đình 2014

- Luật hôn nhân và gia đình 2000

- Bộ luật dân sự 2015

- Hiến pháp 1992 (đã sửa đổi, bổ sung năm 2001)

### **3. Địa điểm thực tập tốt nghiệp**

Văn phòng Công chứng Trần Bằng

## **CÁN BỘ HƯỚNG DẪN ĐỀ TÀI TỐT NGHIỆP**

**Họ và tên** : Vũ Thị Thanh Lan

**Học hàm, học vị** : Thạc sĩ

**Cơ quan công tác** : Khoa Hàng hải trường Đại học Hàng hải Việt Nam

**Nội dung hướng dẫn:** Quyền và nghĩa vụ của cha mẹ đối với con theo

Luật hôn nhân và gia đình Việt Nam 2014

Đề tài tốt nghiệp được giao ngày 14 tháng 03 năm 2022

Yêu cầu phải hoàn thành xong trước ngày 18 tháng 06 năm 2022

Đã nhận nhiệm vụ ĐTTN

*Sinh viên*

Đã giao nhiệm vụ ĐTTN

*Giảng viên hướng dẫn*

*Hải Phòng, ngày tháng năm 2022*

**XÁC NHẬN CỦA KHOA**

## MỤC LỤC

MỞ ĐẦU.....	1
CHƯƠNG 1 NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN CƠ BẢN VỀ QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA CHA MẸ ĐỐI VỚI CON .....	3
1.1. Khái niệm, nội dung, đặc điểm về quyền và nghĩa vụ của cha mẹ đối với con .....	3
1.1.1. Khái niệm về quyền và nghĩa vụ của cha mẹ đối với con .....	3
1.1.2. Nội dung về quyền và nghĩa vụ của cha mẹ đối với con .....	4
1.1.3. Đặc điểm về quyền và nghĩa vụ của cha mẹ đối với con.....	5
1.2. Cơ sở pháp lý phát sinh về quyền và nghĩa vụ của cha mẹ đối với con .....	6
1.2.1. Phát sinh dựa trên sự kiện sinh đẻ.....	6
1.2.1.1. Trường hợp sinh đẻ tự nhiên.....	6
1.2.1.2. Trường hợp sinh đẻ nhờ vào sự can thiệp của y học .....	8
1.2.2. Phát sinh dựa trên sự kiện nhận nuôi con nuôi .....	9
1.3. Ý nghĩa của chế định quyền và nghĩa vụ của cha mẹ đối với con.....	9
1.3.1. Ý nghĩa về mặt pháp lý .....	9
1.3.2. Ý nghĩa về mặt xã hội .....	10
1.4. Lịch sử, phát triển, chế định quyền và nghĩa vụ của cha mẹ đối với con trong pháp luật.....	11
1.4.1. Pháp luật quốc tế về quyền và nghĩa vụ của cha mẹ đối với con .....	11
1.4.2. Pháp luật Việt Nam về quyền và nghĩa vụ của cha mẹ đối với con .....	13
CHƯƠNG 2.....	15
NỘI DUNG QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA CHA MẸ ĐỐI VỚI CON THEO LUẬT HÔN NHÂN VÀ GIA ĐÌNH VIỆT NAM .....	15
2.1. Các nguyên tắc cơ bản về quyền và nghĩa vụ của cha mẹ đối với con theo Luật hôn nhân và gia đình Việt Nam .....	15
2.2. Quyền và nghĩa vụ về nhân thân của cha mẹ đối với con.....	16
2.2.1. Quyền và nghĩa vụ khai sinh, đặt họ tên, xác định tôn giáo, dân tộc, quốc tịch, nơi ở của con .....	16
2.2.2. Quyền và nghĩa vụ thương yêu, trông nom, chăm sóc, bảo vệ con .....	16
2.2.3. Quyền và nghĩa vụ giáo dục con.....	17
2.2.4. Quyền và nghĩa vụ đại diện cho con .....	19
2.3. Quyền và nghĩa vụ về tài sản của cha mẹ đối với con .....	20

2.3.1. Quyền và nghĩa vụ của cha mẹ trong việc quản lý, định đoạt tài sản riêng của con.....	20
2.3.2. Nghĩa vụ bồi thường thiệt hại do con gây ra.....	21
2.4. Quyền và nghĩa vụ chăm sóc, nuôi dưỡng và cấp dưỡng của cha, mẹ đối với con trong một số trường hợp khác .....	22
2.4.1. Quyền và nghĩa vụ chăm sóc, nuôi dưỡng của cha mẹ đối với con.....	22
2.4.2. Quyền và nghĩa vụ cấp dưỡng của cha mẹ đối với con .....	23
2.4.3. Quyền và nghĩa vụ của bố dượng, mẹ kế đối với con riêng của vợ hoặc của chồng.....	24
2.4.4. Quyền và nghĩa vụ của cha mẹ chồng, cha mẹ vợ đối với con dâu, con rể .....	24
2.4.5. Quyền và nghĩa vụ của cha nuôi, mẹ nuôi đối với con nuôi.....	25
2.5. Hạn chế quyền của cha mẹ đối với con chưa thành niên .....	26
CHƯƠNG 3.....	31
KIẾN NGHỊ HOÀN THIỆN PHÁP LUẬT HÔN NHÂN VÀ GIA ĐÌNH VIỆT NAM VỀ QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA CHA MẸ ĐỐI VỚI CON.....	<b>Error! Bookmark not defined.</b>
3.1. Nhận xét chung về việc thực hiện quyền và nghĩa vụ của cha mẹ đối với con theo Luật hôn nhân và gia đình .....	31
3.1.1. Ưu điểm.....	31
3.1.2. Hạn chế.....	40
3.2. Những hạn chế và bất cập khi thực hiện các quy định về quyền và nghĩa vụ của cha mẹ đối với con theo Luật hôn nhân và gia đình 2014 và kiến nghị.....	43
3.3. Phương hướng, giải pháp triển khai thực hiện Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 về quyền và nghĩa vụ của cha mẹ đối với con ..	<b>Error! Bookmark not defined.</b>
KẾT LUẬN .....	46
DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO .....	47

## **LỜI CAM ĐOAN**

Em xin cam đoan khóa luận là thành quả nghiên cứu của riêng em. Các kết quả trong khóa luận chưa được công bố ra bên ngoài. Các số liệu, ví dụ và trích dẫn trong khóa luận đảm bảo tính chính xác, tin cậy và trung thực. Em đã hoàn thành tất cả các môn học và đã thanh toán tất cả các nghĩa vụ tài chính theo quy định của Trường Đại học Quản lý & Công Nghệ Hải Phòng.

Vậy em viết Lời cam đoan này kính gửi Khoa và Thầy (Cô) xem xét để em được hoàn thành bảo vệ Khóa luận này.

Em xin chân thành cảm ơn!

**NGƯỜI CAM ĐOAN**



## MỞ ĐẦU

### 1. Tính cấp thiết của đề tài

Gia đình là tế bào của xã hội, là tổ ấm của những người gắn bó với nhau do quan hệ hôn nhân, huyết thống hoặc nuôi dưỡng, làm phát sinh các quyền và nghĩa vụ giữa họ với nhau. Gia đình là cái nôi nuôi dưỡng con người, là môi trường quan trọng hình thành và giáo dục nhân cách. Gia đình là yếu tố quan trọng nhất cấu thành nên xã hội vì thế muốn xây dựng xã hội ổn định và phát triển thì trước tiên phải quan tâm xây dựng gia đình hạnh phúc, tạo điều kiện để mỗi gia đình phát triển về mọi mặt.

Gia đình Việt Nam được xây dựng dựa trên cơ sở đạo đức và truyền thống tốt đẹp của dân tộc ta thể hiện ở sự quan tâm, yêu thương, chăm sóc, đùm bọc lẫn nhau giữa các thành viên. Trong gia đình, mọi quan hệ đều dựa trên cơ sở tình cảm. Tuy nhiên, nếu như quan hệ vợ chồng là quan hệ dựa trên cơ sở hôn nhân thì quan hệ giữa cha mẹ và con lại dựa trên quan hệ huyết thống hoặc nuôi dưỡng mà ở đó chứa đầy tình cảm yêu thương gắn bó, mang trong đó là ý thức và trách nhiệm. Người ta có quyền ly hôn vợ hoặc chồng bằng một bản án, quyết định có hiệu lực của Tòa án nhưng không ai có quyền chối bỏ trách nhiệm với con của mình, ngay cả khi hôn nhân không còn tồn tại.

Quyền và nghĩa vụ của cha mẹ đối với con được quy định khá đầy đủ và chi tiết trong Luật Hôn nhân và Gia đình 2014 và một số văn bản pháp luật hiện hành khác có liên quan. Tuy nhiên trong điều kiện xã hội hiện nay, khi mà trong xã hội có nhiều sự thay đổi do tác động của nhiều yếu tố, lối sống và nhân cách cá nhân chịu những áp lực, thách thức bởi nhiều loại thang bậc giá trị, sự đề cao giá trị vật chất, sự thờ ơ, thiếu trách nhiệm của các bậc cha mẹ đối với con cái diễn ra ngày càng phổ biến thì các quyền và nghĩa vụ của cha mẹ đối với con theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình Việt Nam 2014 quy định rõ tại các điều khoản và chính những lý do đó cho nên em đã lựa chọn đề tài **“Quyền và nghĩa vụ của cha mẹ đối với con theo Luật hôn nhân và gia đình Việt Nam 2014”**.

Việc nghiên cứu đề tài này mang tính cấp thiết cả về lý luận lẫn thực tiễn, bởi lẽ không những nó trang bị cho mỗi chúng ta những hiểu biết chung nhất về Quyền và nghĩa vụ của cha mẹ đối với con theo Luật hôn nhân và gia đình Việt Nam 2014 mà qua đó còn góp phần xây dựng và hoàn thiện các quy định của pháp luật về vấn đề này, tạo ra hành lang pháp lý vững chắc để pháp luật thực sự đi vào cuộc sống.

### 2. Kết cấu của khóa luận

Ngoài phần mở đầu, phần kết luận và danh mục tài liệu tham khảo, nội dung của khóa luận gồm 03 chương:

*Chương I: Những vấn đề lý luận cơ bản về quyền và nghĩa vụ của cha mẹ đối với con*

*Chương II: Nội dung về quyền và nghĩa vụ của cha mẹ đối với con theo Luật hôn nhân và gia đình Việt Nam*

*Chương III: Thực tiễn thực hiện những quy định về quyền và nghĩa vụ của cha mẹ đối với con theo Luật hôn nhân và gia đình Việt Nam*

# CHƯƠNG 1

## NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN CƠ BẢN VỀ QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA CHA MẸ ĐỐI VỚI CON

### 1.1. Khái niệm, nội dung, đặc điểm về quyền và nghĩa vụ của cha mẹ đối với con

#### 1.1.1. Khái niệm về quyền và nghĩa vụ của cha mẹ đối với con

Dưới góc độ pháp lý, cha, mẹ và con là những chủ thể quan hệ pháp luật hôn nhân gia đình, theo đó pháp luật quy định rất cụ thể những nghĩa vụ mà họ phải thực hiện và quyền mà họ được hưởng. Các quan hệ pháp luật giữa cha mẹ và con mang những đặc điểm giống như các quan hệ pháp luật hôn nhân và gia đình nói chung. Tuy nhiên trong nội dung quan hệ pháp luật về quyền và nghĩa vụ của cha mẹ đối với con còn mang một yếu tố rất đặc trưng của gia đình Việt Nam đó là xuất phát từ tình cảm yêu thương gắn bó giữa cha mẹ với con cái, giữa các thành viên trong gia đình, tất cả quyền và nghĩa vụ của cha mẹ đối với con đều hướng tới đảm bảo cho sự phát triển lành mạnh và toàn diện cả về thể chất lẫn tinh thần cho con

Để có thể đưa ra khái niệm về quyền và nghĩa vụ của cha mẹ đối với con trước hết cần tìm hiểu nội dung của thuật ngữ “*quyền*” và “*nghĩa vụ*”. Theo từ điển luật học: “Quyền là cái mà luật pháp, xã hội, phong tục hay lẽ phải cho phép hưởng thụ, vận dụng, thi hành và, khi thiếu được yêu cầu để có, nếu bị tước đoạt có thể đòi hỏi để giành lại theo Từ điển Tiếng Việt, “Quyền” còn được hiểu là Sức mạnh được vận dụng khi thực hiện chức năng trong một lĩnh vực nhất định”.

Ngoài ra, “Quyền” là khái niệm khoa học pháp lí dùng để chỉ những điều mà pháp luật công nhận và đảm bảo thực hiện đối với cá nhân, tổ chức để theo đó cá nhân được hưởng, được làm, được đòi hỏi mà không ai được ngăn cản, hạn chế”

“Nghĩa vụ là việc đòi hỏi mỗi công dân phải thực hiện hành vi cần thiết do Nhà nước yêu cầu, nếu không tuân thủ thực hiện đúng thì Nhà nước buộc phải áp dụng biện pháp như giáo dục, thuyết phục, cưỡng chế”.

Nghĩa vụ là việc phải làm theo bổn phận của mình, Bộ luật dân sự 2015 có quy định nghĩa vụ là việc mà một hoặc nhiều chủ thể phải tiến hành như: chuyển giao quyền, trả tiền, giấy tờ có giá trị thực hiện hoặc không thực hiện công việc vì lợi ích của một hoặc nhiều chủ thể khác. Pháp luật quy định về quyền và nghĩa vụ của cha mẹ đối với con vừa dựa trên những chuẩn mực về đạo đức mà nền tảng của nó xuất phát từ những yếu tố: tình cảm, huyết thống, nuôi dưỡng nhưng vẫn phải đảm bảo theo một quy tắc thống nhất theo sự điều chỉnh của pháp luật.

Từ những phân tích trên đây, có thể hiểu: (Quyền và nghĩa vụ của cha mẹ đối với con là tổng hợp những quy định mà pháp luật cho phép cha, mẹ được hưởng, được làm, được đòi hỏi và những điều buộc cha mẹ phải làm vì lợi ích của con, bao gồm quyền và nghĩa vụ về nhân thân và quyền và nghĩa vụ về tài sản).

### **1.1.2. Nội dung về quyền và nghĩa vụ của cha mẹ đối với con**

Nội dung về quyền và nghĩa vụ của cha mẹ đối với con được Luật hôn nhân và gia đình Việt Nam quy định rất chi tiết và cụ thể. Nghiên cứu các quy định này chúng ta có thể chia quyền và nghĩa vụ của cha mẹ đối với con làm hai nhóm chính đó là:

*Quyền và nghĩa vụ về nhân thân:* Cha mẹ có quyền và nghĩa vụ thương yêu, trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của con, tôn trọng ý kiến của con, chăm lo việc học tập và giáo dục để con phát triển lành mạnh về thể chất, trí tuệ và đạo đức, trở thành người con hiếu thảo của gia đình, công dân có ích cho xã hội. Cha mẹ không được phân biệt đối xử với con trên cơ sở giới hoặc theo tình trạng hôn nhân của cha mẹ, không được lạm dụng sức lao động của con chưa thành niên, con đã thành niên, mất năng lực hành vi dân sự hoặc không có khả năng lao động, không được xúi giục, ép buộc con làm việc trái pháp luật, trái đạo đức xã hội. Cha mẹ là người giám hộ hoặc đại diện cho con, đối với con chưa thành niên cha mẹ có quyền quyết định chế độ pháp lý về nhân thân của con như: quyền đặt họ tên, tôn giáo, quốc tịch, dân tộc, chỗ ở của con.

Cha mẹ còn có thể bị hạn chế quyền đối với con chưa thành niên khi bị kết án về một trong các tội cố ý xâm phạm sức khỏe, nhân phẩm, danh dự của con, hoặc có hành vi vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con, phá tán tài sản của con, xúi giục, ép buộc con làm những việc trái pháp luật, trái đạo đức xã hội...

*Quyền và nghĩa vụ về tài sản:* Hệ thống pháp luật Hôn nhân và gia đình phân định quan hệ pháp luật về tài sản của cha mẹ đối với con thành hai nhóm: quan hệ nuôi dưỡng, cấp dưỡng và quan hệ tài sản khác. Luật hôn nhân và gia đình điều chỉnh chủ yếu là quan hệ cấp dưỡng, nuôi dưỡng giữa cha mẹ đối với con, đồng thời kết hợp với Luật dân sự điều chỉnh các quan hệ tài sản khác phát sinh giữa cha mẹ đối với con. Nghĩa vụ cấp dưỡng, nuôi dưỡng của cha mẹ đối với con, là nghĩa vụ pháp lý đồng thời nó còn mang tính chất tình cảm tự nhiên và luân lý. Nghĩa vụ này được pháp luật quy định gắn liền với nhân thân của cha, mẹ và không thể thay thế hoặc chuyển giao cho người khác.

Các quan hệ tài sản khác bao gồm: quyền và nghĩa vụ quản lý, định đoạt tài sản riêng của con chưa thành niên, bồi thường thiệt hại do con chưa thành niên gây ra...

### **1.1.3. Đặc điểm về quyền và nghĩa vụ của cha mẹ đối với con**

Quyền và nghĩa vụ của cha mẹ đối với con được Luật hôn nhân và gia đình và Luật dân sự điều chỉnh. Trong đó Luật hôn nhân và gia đình có nhiều quy định mang tính đặc thù hơn về quyền và nghĩa vụ của cha mẹ đối với con.

Từ khái niệm đã nêu ở phần trên ta có thể rút ra một số đặc điểm về quyền và nghĩa vụ của cha mẹ đối với con như sau:

*Thứ nhất*, các căn cứ phát sinh quyền và nghĩa vụ của cha mẹ đối với con dựa trên những sự kiện đặc biệt là huyết thống hoặc nuôi dưỡng nên mang tính chất lâu dài bền vững. Khác với quan hệ pháp luật dân sự phát sinh thông qua sự thỏa thuận theo hợp đồng dân sự hoặc theo quy định của pháp luật như bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng nên chỉ tồn tại trong một thời hạn xác định. Quyền và nghĩa vụ của cha mẹ đối với con về nguyên tắc được xác lập từ khi con sinh ra đến khi con trưởng thành nhưng hiện nay Luật hôn nhân và gia đình cũng không nêu ra các căn cứ chấm dứt quyền và nghĩa vụ của cha mẹ, có lẽ các nhà làm luật cho rằng điều đó không thật sự cần thiết. Sở dĩ như vậy vì nó xuất phát từ tính chất của mối quan hệ quyền và nghĩa vụ giữa cha, mẹ với con, chứa đựng yếu tố tình cảm thiêng liêng, thể hiện thương yêu và trách nhiệm giữa cha, mẹ với con, là sợi dây gắn bó quan hệ lâu dài giữa các chủ thể và trong chừng mực nào đó sự điều chỉnh của pháp luật trong mối quan hệ này cũng chỉ là tương đối.

*Thứ hai*, quyền và nghĩa vụ của cha mẹ đối với con tuân theo nguyên tắc bình đẳng. Sự bình đẳng ở đây thể hiện ở hai khía cạnh. Một là, bình đẳng giữa vợ và chồng trong việc thực hiện quyền và nghĩa vụ của cha mẹ đối với con. Điều này đã được Luật hôn nhân và gia đình quy định rõ, theo đó cha, mẹ có quyền và nghĩa vụ ngang nhau trong việc nuôi dạy con. Hai là, bình đẳng giữa các con trong mối quan hệ với các quyền và nghĩa vụ của cha mẹ, không phân biệt con nuôi hay con đẻ, con trai hay con gái, con trong giá thú hay con ngoài giá thú... Khi xây dựng các chế định về quyền và nghĩa vụ của cha mẹ đối với con, Luật chỉ dựa vào sự tồn tại của quan hệ cha – mẹ - con, luật không phân biệt tính chất của quan hệ đó bởi vậy quyền và nghĩa vụ của cha, mẹ gắn với tư cách của cha mẹ không lệ thuộc vào tình trạng hôn nhân của cha, mẹ. Do đó cha mẹ có kết hôn, đã ly hôn, chung sống như vợ chồng, thậm chí con sinh ra từ quan hệ “ngoài vợ ngoài chồng”... thì cha, mẹ vẫn có các quyền và nghĩa vụ đối với con như nhau trừ trường hợp cha, mẹ bị hạn chế quyền đối với con chưa thành niên theo quyết định của Tòa án.

*Thứ ba*, quyền và nghĩa vụ của cha mẹ đối với con có mối quan hệ chặt chẽ, tương ứng với nhau không thể tách rời. Luật hôn nhân và gia đình quy định các quyền

của cha, mẹ cũng đồng thời chính là nghĩa vụ của họ hay nói khác đi trong quyền có nghĩa vụ và ngược lại, vì thế Luật dùng thuật ngữ “quyền và nghĩa vụ” thay cho việc chỉ dùng “nghĩa vụ” hoặc “quyền”. Mặt khác việc dùng thuật ngữ “quyền và nghĩa vụ” của cha mẹ là nhằm mục đích nhấn mạnh nghĩa vụ của cha mẹ đối với con cái đồng thời thể hiện sự thay đổi triệt để về cách nhìn của những người làm luật hiện đại so với những người làm luật cổ về quyền và nghĩa vụ của cha mẹ đối với con. Bởi vì cha, mẹ sinh ra con trước hết phải đặt nghĩa vụ nuôi dạy con lên hàng đầu, có như vậy mới có thể tạo môi trường tốt nhất để con cái có điều kiện phát triển toàn diện.

*Thứ tư*, quyền và nghĩa vụ của cha mẹ đối với con xuất phát từ tình cảm gia đình thiêng liêng, không mang tính chất đền bù ngang giá và gắn với nhân thân của cha mẹ, không thể chuyển giao cho người khác. Nếu như trong quan hệ dân sự thông thường giữa các chủ thể tham gia thì quyền của chủ thể này tương ứng với nghĩa vụ của chủ thể khác, nó mang tính chất đền bù ngang giá và cái mà các chủ thể hướng tới thông thường là lợi ích vật chất thì trong quan hệ pháp luật về quyền và nghĩa vụ của cha mẹ đối với con quyền và nghĩa vụ không thể tách rời, không mang tính chất đền bù ngang giá. Suy cho cùng trong các quyền và nghĩa vụ của cha mẹ đều thể hiện quyền của cha mẹ và mục đích mà các chủ thể hướng tới cuối cùng vẫn là sự phát triển của con cái, vì sự ổn định của gia đình, của xã hội. Quyền và nghĩa vụ của cha mẹ đối với con gắn với nhân thân của cha mẹ nên không thể chuyển giao cho người khác (Ví dụ: Nghĩa vụ nuôi dưỡng).

*Thứ năm*, quyền và nghĩa vụ của cha mẹ đối với con được thực hiện một cách trực tiếp và thực hiện chung giữa vợ và chồng đối với con. Thực hiện một cách trực tiếp bởi vì cha, mẹ là người sinh ra hoặc nuôi dưỡng con phải là chủ thể tích cực nhất trong việc thực hiện các quyền và nghĩa vụ đối với con, không thể ủy quyền của cha, mẹ cho người khác trong việc nuôi dạy con. Thực hiện chung bởi vì cha, mẹ không thể thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình theo thiên chức của từng người nhưng có hợp tác, bàn bạc thống nhất trên cơ sở đảm bảo lợi ích của con.

## **1.2. Cơ sở pháp lý phát sinh về quyền và nghĩa vụ của cha mẹ đối với con**

### **1.2.1. Phát sinh dựa trên sự kiện sinh đẻ**

#### **1.2.1.1. Trường hợp sinh đẻ tự nhiên**

Trong đời sống xã hội, việc người phụ nữ mà sinh con, đã là cơ sở làm phát sinh mối quan hệ giữa mẹ - con, cha - con. Đó là mối liên hệ huyết thống tự nhiên theo quy luật sinh học. Quan hệ mẹ - con, cha - con phát sinh không phục thuộc vào hôn nhân của cha mẹ là hợp pháp hay không hợp pháp. Nhà nước bằng pháp luật phải quy định nguyên tắc suy đoán pháp lý xác định cha, mẹ, con vì đó là cơ sở nhằm xác thực mối

quan hệ con, cha – con, từ đó mới phát sinh quyền và nghĩa vụ của cha mẹ đối với con. Tuy nhiên việc xác định cha, mẹ, con về mặt lý luận và thực tiễn áp dụng vẫn còn tồn tại nhiều vấn đề khá phức tạp.

Việc xác định cha mẹ, con dựa trên cơ sở suy đoán pháp lý được quy định tại Điều 88 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 dựa trên nguyên tắc:

- Con sinh ra trong thời kỳ hôn nhân hoặc do người vợ có thai trong thời kỳ hôn nhân là con chung của vợ chồng.

Con được sinh ra trong thời hạn 300 ngày kể từ thời điểm chấm dứt hôn nhân được coi là con do người vợ có thai trong thời kỳ hôn nhân.

Con sinh ra trước ngày đăng ký kết hôn và được cha mẹ thừa nhận là con chung của vợ chồng.

- Trong trường hợp cha, mẹ không thừa nhận con thì phải có chứng cứ và phải được Tòa án xác định”.

Theo quy định này, thời kỳ hôn nhân là khoảng thời gian quan hệ vợ chồng tồn tại, được tính từ khi kết hôn cho đến khi hôn nhân chấm dứt trước pháp luật. Nếu người vợ sinh con trong thời kỳ hôn nhân này, về nguyên tắc con đó được xác định là con chung của hai vợ chồng. Được coi là “người vợ có thai trong thời kỳ hôn nhân” là kể từ khi hôn nhân chấm dứt trước pháp luật, nếu trong hạn 300 ngày (người vợ chưa kết hôn với người khác) mà sinh con thì con đó cũng được xác định là “con chung” của hai vợ chồng. Tức là người chồng của mẹ đã chết hoặc đã ly hôn sẽ được “suy đoán” là cha của đứa trẻ đó. Con sinh ra trước ngày đăng ký kết hôn nhưng được cả vợ và chồng thừa nhận cũng được coi là con chung của vợ chồng. Trong trường hợp cha, mẹ không thừa nhận con thì phải có chứng cứ và được Tòa án xác định.

Ngoài trường hợp xác định cha, mẹ cho con trong giá thú như đã nêu ở trên thì quan hệ giữa cha mẹ và con được pháp sinh trong trường hợp sinh con ngoài giá thú. Con ngoài giá thú là con mà cha mẹ không phải là vợ chồng trước pháp luật, hoặc tuy cha mẹ ăn, ở, chung sống với nhau như vợ chồng nhưng không được pháp luật thừa nhận là vợ chồng. Gồm các trường hợp: Người mẹ không có chồng mà sinh con, người mẹ có chồng nhưng ngoại tình, có con với người khác, hai bên nam nữ sống chung như vợ chồng mà có con với nhau nhưng không có đăng ký kết hôn. Vấn đề xác định cha, mẹ cho con ngoài giá thú trong thực tế rất phức tạp khi có yêu cầu. Vì giữa cha, mẹ của người con không có hôn nhân hợp pháp, tức là không có thời kỳ hôn nhân thì không thể suy đoán theo nguyên tắc quy định tại Điều 88 Luật hôn nhân và gia đình 2014. Trường hợp người mẹ sinh con ngoài giá thú muốn xác định cha cho con thì khi

có yêu cầu, Tòa án phải căn cứ vào những chứng cứ là người mẹ đó đã có thai với ai để xác định cha cho con ngoài giá thú.

Vấn đề xác định cha, mẹ, con có ý nghĩa đặc biệt quan trọng đối với thân phận của mỗi cá nhân trong xã hội. Quan hệ pháp luật giữa cha mẹ và con được xác định thực hiện liên quan đến quyền lợi và nghĩa vụ của các chủ thể trong quan hệ này, cũng như quyền và nghĩa vụ của các thành viên khác trong gia đình. Quy định nguyên tắc suy đoán pháp lý xác định cha, mẹ, con là cơ sở để giải quyết các tranh chấp phát sinh liên quan đến việc xác định cha, mẹ, con cũng như những tranh chấp về cấp dưỡng, nuôi dưỡng, bồi thường thiệt hại..... theo quy định của pháp luật.

### **1.2.1.2. Trường hợp sinh đẻ nhờ vào sự can thiệp của y học**

Có thể nói trong thời gian gần đây, kỹ thuật về y học đã có những bước phát triển vượt bậc, đáp ứng ngày một tốt hơn cho nhu cầu của con người. Vấn đề sinh con ngày nay cũng đã được ứng dụng từ những thành tựu về y học đó. Về cơ bản, con được sinh ra từ thiên chức tự nhiên của người cha, người mẹ. Tuy nhiên ở nhiều cặp vợ chồng, do khiếm khuyết về vấn đề sinh sản từ phía người chồng hoặc từ phía người vợ hoặc cả hai vợ chồng nên họ không thể sinh con, hay trường hợp người mẹ đơn thân muốn sinh con... Trong những trường hợp này khi người mẹ muốn sinh con thành công phải nhờ tới sự can thiệp của y học hiện nay có thể chia thành hai trường hợp:

*Trường hợp thứ nhất* là sinh con theo phương pháp khoa học. Vấn đề này pháp luật đã quy định tại Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 và nghị quyết số 12/2003/NĐ – CP ngày 12/02/2003 của Chính phủ quy định về sinh con theo phương pháp khoa học. Theo Khoản 1 Điều 3 nghị quyết số 12/2003/NĐ – CP quy định: “*Sinh con theo phương pháp khoa học* là việc sinh con được thực hiện bằng các kỹ thuật hỗ trợ sinh sản như thụ tinh nhân tạo, thụ tinh trong ống nghiệm”, và theo Khoản 21 Điều 3 Luật hôn nhân và gia đình 2014 quy định: “*Sinh con bằng kỹ thuật hỗ trợ sinh sản* là việc sinh con bằng kỹ thuật thụ tinh nhân tạo hoặc thụ tinh trong ống nghiệm. Thường thì người mẹ đơn thân hoặc các cặp vợ chồng vô sinh sẽ áp dụng các phương pháp này để sinh con và những người này được xác định là cha, mẹ đối với trẻ sinh ra do thực hiện kỹ thuật hỗ trợ sinh sản, giữa họ phát sinh đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của cha mẹ đối với con theo Luật hôn nhân và gia đình.

*Trường hợp thứ hai* là sinh con dựa vào phương pháp mang thai hộ. Để điều chỉnh vấn đề mang thai hộ phát sinh trong thực tế Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 đã có những quy định rất cụ thể về nội dung này. Theo đó:

*Mang thai hộ vì mục đích nhân đạo* là việc một người phụ nữ tự nguyện, không vì mục đích thương mại giúp mang thai cho cặp vợ chồng mà người vợ không thể



mang thai và sinh con ngay cả khi áp dụng kỹ thuật hỗ trợ sinh sản, bằng việc lấy noãn của người vợ và tinh trùng của người chồng để thụ tinh trong ống nghiệm, sau đó cấy vào tử cung của người phụ nữ tự nguyện mang thai để người này mang thai và sinh con (Khoản 22 Điều 3 Luật hôn nhân và gia đình 2014).

Quyền và nghĩa vụ của cha mẹ đối với con (giữa người nhờ mang thai hộ đối với con sinh ra từ việc mang thai hộ) trong trường hợp mang thai hộ được pháp luật quy định: “Quyền, nghĩa vụ của bên nhờ mang thai hộ vì mục đích nhân đạo đối với con phát sinh kể từ thời điểm con được sinh ra” (Khoản 2, Điều 98 Luật hôn nhân và gia đình 2014).

### **1.2.2. Phát sinh dựa trên sự kiện nhận nuôi con nuôi**

Nuôi con nuôi là một hiện tượng xã hội, một chế định pháp lý đã xuất hiện từ lâu trong lịch sử pháp luật Việt Nam. Nuôi con nuôi là việc xác lập quan hệ cha, mẹ và con giữa người nhận nuôi con nuôi và người được nhận làm con nuôi, bảo đảm cho người được nhận làm con nuôi được trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc giáo dục phù hợp với đạo đức xã hội. Đồng thời, việc nuôi con nuôi cũng nhằm đảm bảo cho người già yếu cô đơn được quan tâm, chăm sóc nuôi dưỡng. Với ý nghĩa và mục đích đó, Nhà nước và xã hội khuyến khích nhận trẻ mồ côi, trẻ bị bỏ rơi, trẻ tàn tật làm con nuôi. Mọi hành vi lợi dụng việc nuôi con nuôi để bóc lột sức lao động, xâm phạm tình dục, mua bán trẻ em hoặc vì mục đích trục lợi khác đều bị nghiêm cấm.

Để việc nuôi con nuôi được pháp luật công nhận, tức là để quan hệ giữa người nhận nuôi con nuôi và người được nhận làm con nuôi phát sinh quan hệ pháp luật giữa cha, mẹ và con, Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 và Luật nuôi con nuôi năm 2010 đã quy định cụ thể các điều kiện để việc nhận nuôi con nuôi hợp pháp cũng như về hậu quả pháp lý và thủ tục chấm dứt việc nuôi con nuôi. Kể từ thời điểm đăng ký việc nuôi con nuôi; quan hệ pháp luật giữa cha mẹ nuôi và con nuôi được xác lập; giữa cha mẹ nuôi và con nuôi có các quyền và nghĩa vụ của cha mẹ và con theo quy định tại Luật hôn nhân và gia đình theo nguyên tắc không phân biệt đối xử giữa các con.

## **1.3. Ý nghĩa của chế định quyền và nghĩa vụ của cha mẹ đối với con**

### **1.3.1. Ý nghĩa về mặt pháp lý**

Không chỉ có ý nghĩa về mặt xã hội, việc quy định quyền và nghĩa vụ của cha mẹ đối với con còn có ý nghĩa về mặt pháp lý. Trước hết, quy định về quyền và nghĩa vụ của cha mẹ đối với con một cách cụ thể vừa bảo đảm quyền cho các chủ thể, đồng thời cũng chỉ ra các nghĩa vụ tương ứng mà mỗi chủ thể phải gánh chịu. Các quy định này tạo cơ sở để đảm bảo các quyền của con, đặc biệt là trẻ em. Khi Việt Nam tham gia Công ước quốc tế về quyền trẻ em năm 1990, việc nội luật hóa các quy định của

Công ước vào pháp luật quốc gia là rất cần thiết. Có thể thấy, các quy định của Luật hôn nhân và gia đình hiện nay, trong đó có quy định về quyền và nghĩa vụ của cha mẹ đối với con đã tạo cơ sở pháp lý cho việc bảo vệ các quyền cơ bản của con cái nói chung, của trẻ em nói riêng. Không những thế nó góp phần đảm bảo quyền của cha mẹ, đặc biệt là quyền bình đẳng giữa cha và mẹ trong mối quan hệ với con.

Một ý nghĩa pháp lý nữa cũng hết sức quan trọng là việc quy định quyền và nghĩa vụ của cha mẹ đối với con có liên quan đến nhiều nội dung khác trong Luật hôn nhân và gia đình như: quan hệ cấp dưỡng, nuôi con nuôi, chế độ ly hôn... Ví dụ: Việc quy định quyền và nghĩa vụ nuôi dưỡng của cha mẹ là một trong những cơ sở để đề ra quy định cấp dưỡng cho con khi cha mẹ ly hôn. Hay xuất phát từ nguyên tắc không phân biệt đối xử giữa các con, quyền và nghĩa vụ của cha mẹ nuôi - con nuôi cũng được xác định theo các quyền và nghĩa vụ của cha mẹ đối với con nói chung.

### **1.3.2. Ý nghĩa về mặt xã hội**

Việc quy định quyền và nghĩa vụ của cha mẹ đối với con có những ý nghĩa xã hội to lớn. Bởi vì, gia đình là tế bào của xã hội, muốn cho xã hội ổn định và phát triển trước hết ta phải giữ vững sự ổn định của gia đình. Trong khi đó quan hệ giữa cha mẹ và con là một trong những quan hệ chủ yếu của quan hệ hôn nhân và gia đình. Việc luật hóa quyền và nghĩa vụ của cha mẹ đối với con tạo ra quy tắc ứng xử của cha mẹ đối với con. Không những thế, việc quy định quyền và nghĩa vụ của cha mẹ đối với con là biện pháp để bảo vệ đối tượng đặc biệt trong xã hội, đó là “trẻ em”. Không ai có thể phủ nhận vai trò của trẻ em - những chủ nhân tương lai của đất nước; là đối tượng cần sự quan tâm cả về vật chất lẫn tinh thần từ phía gia đình, nhà trường và xã hội. Trong đó gia đình, cụ thể là cha mẹ là nhân tố quyết định trực tiếp đến sự phát triển toàn diện của trẻ em. Hiện nay, khi quy định về quyền và nghĩa vụ của cha mẹ đối với con, Luật hôn nhân và gia đình ghi nhận nguyên tắc bảo vệ trẻ em, bảo vệ quyền lợi của con. Do đó, quy định quyền và nghĩa vụ của cha mẹ đối với con là cần thiết nhằm nâng cao trách nhiệm của cha mẹ bảo đảm quyền và nghĩa vụ cơ bản của trẻ em.

Mặt khác, những quy định tiến bộ về quyền và nghĩa vụ của cha mẹ đối với con trong Luật hôn nhân và gia đình hiện nay còn có ý nghĩa trong việc xóa đi những tư tưởng lạc hậu như: trọng nam khinh nữ, việc phân biệt đối xử giữa các con, cha mẹ có quyền quyết định mọi vấn đề đối với con...

#### **1.4. Lịch sử, phát triển, chế định quyền và nghĩa vụ của cha mẹ đối với con trong pháp luật**

Pháp luật Quốc tế không quy định về quyền và nghĩa vụ của cha mẹ đối với con mà chỉ bảo vệ quyền trẻ em. Theo Công ước quốc tế về quyền trẻ em thì “trẻ em là những người dưới 18 tuổi”. Trẻ em cũng là một con người, là công dân của một quốc gia nên có đầy đủ các quyền cơ bản của con người, nhưng “là còn non nớt về thể chất và trí tuệ, cần được bảo vệ và chăm sóc đặc biệt, kể cả sự bảo vệ thích hợp về mặt pháp lý, trước cũng như sau khi ra đời”. Pháp luật quốc tế hiện nay có khoảng hơn 80 văn kiện quốc tế (Công ước, tuyên ngôn, chương trình,...) trực tiếp hoặc gián tiếp quy định hoặc có liên quan đến việc bảo vệ quyền trẻ em.

##### **1.4.1. Pháp luật quốc tế về quyền và nghĩa vụ của cha mẹ đối với con:**

Pháp luật quốc tế chưa có quy định về quyền và nghĩa vụ của cha mẹ đối với con nhưng lại quy định rất rõ về quyền trẻ em và tiêu biểu là các công ước và các văn kiện.

Tuyên ngôn Giơ – ne – vơ về quyền trẻ em năm 1924 là văn kiện quốc tế đầu tiên về quyền trẻ em. Năm 1924 Hội quốc liên đã chấp thuận thông qua Tuyên ngôn Gionevơ về quyền trẻ em do Hiệp hội quốc tế về quỹ cứu trợ trẻ em soạn thảo trên cơ sở Hiến chương về quyền trẻ em năm 1923. Tuyên ngôn xác định: Loài người phải dành cho trẻ em những gì tốt đẹp nhất và đề ra 5 điểm về các quyền của trẻ em: Trẻ em phải được tạo điều kiện để phát triển bình thường về thể chất và tinh thần; Trẻ em đói phải được ăn; ốm đau phải được chữa bệnh; chậm phát triển phải được nâng đỡ; trẻ em hư phải được điều dắt; mồ côi và không người thừa nhận, phải được thu nhận, cứu mang; Trẻ em phải được ưu tiên cứu giúp khi xảy ra hoạn nạn; Trẻ em phải được tạo khả năng để có công ăn việc làm và phải được bảo vệ chống mọi hình thức bóc lột; Trẻ em phải được nuôi dạy với tinh thần được phát huy những năng lực tốt nhất nhằm phục vụ loài người.

Là văn kiện quốc tế đầu tiên về quyền trẻ em nên còn những hạn chế về phạm vi, nội dung và tính chất. Các quyền trẻ em quy định trong Tuyên ngôn chủ yếu nhằm vào trẻ em của những nước phát triển, phủ nhận quyền sống của các dân tộc thuộc địa bị áp bức, bóc lột.

Văn bản pháp lý Quốc tế đánh dấu sự tiến bộ là những tiến bộ với phương châm loài người phải dành cho trẻ em những gì tốt đẹp nhất mà mình có. Tuyên ngôn về quyền trẻ em do Liên hợp quốc thông qua ngày 20/11/1959 đã đưa ra các quyền trẻ em được mở rộng hơn, cụ thể trẻ em có quyền: được thương yêu, hiểu biết; được nuôi nấng, chữa bệnh thích đáng; học tập không mất tiền; vui chơi, giải trí; có họ tên, có quốc tịch; chăm sóc đặc biệt nếu có những nhược điểm về thể chất, tinh thần; ưu tiên cứu giúp khi xảy ra hoạn nạn; đào tạo để trở thành người có ích cho xã hội; được phát triển năng khiếu; nuôi dạy trong tinh thần hoà bình và hữu nghị quốc tế. Trẻ em được hưởng các quyền trên đây không phân biệt màu da, giới tính, tín ngưỡng, quốc tịch hay nguồn gốc xã hội. Tuy nhiên tuyên ngôn về quyền trẻ em năm 1959 chỉ mang tính chất khuyến nghị nên chỉ có giá trị về mặt chính trị và đạo đức, không có giá trị pháp lý bắt buộc.

Năm 1978 Liên hợp quốc thông qua Nghị quyết về việc soạn thảo Công ước về quyền trẻ em trên cơ sở Tuyên ngôn về quyền trẻ em năm 1959 và hai Công ước quốc tế về các quyền kinh tế, văn hoá, xã hội và dân sự, chính trị. Năm 1979, Tổ công tác của Liên hợp quốc gồm đại diện của 43 nước thành viên Ủy ban về quyền con người, một số tổ chức chuyên môn của Liên hợp quốc như Quỹ nhi đồng LHQ (UNICEF), Tổ chức Lao động quốc tế (ILO), Cao uỷ tị nạn LHQ (UNHCR) và 50 tổ chức phi chính phủ... tham gia trực tiếp soạn thảo Công ước.

Sau 10 năm soạn thảo với nhiều lần chỉnh lý có sự đóng góp ý kiến của các nước và các tổ chức quốc tế, Dự thảo Công ước quốc tế về quyền trẻ em đã được Ủy ban về quyền con người và Hội đồng kinh tế - xã hội của Liên hợp quốc phê duyệt. Ngày 20 tháng 11 năm 1989, Đại hội đồng LHQ đã chính thức thông qua Công ước và ngày 26/01/1990 mở cho các nước ký nhân kỷ niệm lần thứ 30 Tuyên ngôn về quyền trẻ em (1959 – 1989) và lần thứ 10 năm quốc tế thiếu nhi (1979 – 1989). Việt nam là nước thứ hai trên thế giới phê chuẩn Công ước. Hiện nay, Công ước có 191 quốc gia thành viên.

Công ước về quyền trẻ em năm 1989 là Công ước đầu tiên đề cập toàn diện các quyền của trẻ em theo hướng tiến bộ, thừa nhận mọi trẻ em đều có quyền được sống, được phát triển, được tham gia và được chăm sóc, bảo vệ và giúp đỡ đặc biệt. Công ước là văn bản có tính chất ràng buộc pháp lý đối với các quốc gia thành viên trong việc bảo vệ và thực hiện quyền trẻ em trên toàn thế giới. Việt Nam là quốc gia đầu tiên ở Châu Á và quốc gia thứ hai trên thế giới phê chuẩn Công ước của Liên hợp quốc về quyền trẻ em vào ngày 20/2/1990.

Ngoài ra, còn có một số Công ước, văn kiện quốc tế khác có đề cập đến từng lĩnh vực bảo vệ quyền trẻ em như: Công ước về trấn áp buôn bán người và bóc lột mại dâm (Liên hợp quốc thông qua 21/3/1950 và có hiệu lực từ 25/7/1951); Quy tắc tối thiểu của Liên hợp quốc về việc áp dụng pháp luật đối với người chưa thành niên do Đại hội đồng LHQ thông qua ngày 29/11/1985 (sau đây gọi tắt là Quy tắc Bắc Kinh) Công ước La hay về bảo vệ trẻ em và hợp tác giữa các nước về con nuôi nước ngoài có hiệu lực từ 01/5/1995; Nghị định thư không bắt buộc bổ sung cho Công ước về quyền trẻ em, buôn bán trẻ em, mại dâm trẻ em và văn hóa phẩm khiêu dâm trẻ em (Liên hợp quốc thông qua 25/5/2000. Việt Nam phê chuẩn ngày 20/12/2001); Công ước 182 về cấm và hành động ngay lập tức để xóa bỏ các hình thức lao động trẻ em tồi tệ nhất (Tổ chức lao động quốc tế ILO thông qua 17/6/1999); Công ước về chống tội phạm có tổ chức xuyên quốc gia (Liên hợp quốc thông qua ngày 15/11/2000. Việt nam đã ký Công ước này ngày 13/12/2000) và Nghị định thư bổ sung cho Công ước về chống tội phạm có tổ chức xuyên quốc gia về phòng ngừa, trấn áp và trừng trị việc buôn bán người, đặc biệt là phụ nữ, trẻ em (Liên hợp quốc thông qua ngày 15/11/2000); Công ước về xóa bỏ mọi hình thức phân biệt, đối xử đối với phụ nữ (Liên hợp quốc thông qua ngày 18/2/1979, có hiệu lực từ 3/9/1981).

#### **1.4.2. Pháp luật Việt Nam về quyền và nghĩa vụ của cha mẹ đối với con:**

##### **\* Giai đoạn trước cách mạng tháng 8**

Ngay từ trước cách mạng tháng 8, nhà nước ta đã chú trọng sâu sắc đến vấn đề hôn nhân và gia đình. ở giai đoạn này, luật hôn nhân và gia đình có những đặc điểm sau:

- Việc kết hôn phải được sự đồng ý của ông bà, cha mẹ hoặc một tôn trưởng trong dòng họ,
- Duy trì chế độ hôn nhân đa thê. tuy nhiên, pháp luật cấm người đàn ông đã có vợ chính lại cưới vợ chính khác,
- Phân biệt đối xử giữa các con: thể hiện ở sự phân biệt giữa con trai với con gái, con trong giá thú và con ngoài giá thú,
- Bảo vệ quyền gia trưởng trong gia đình,
- Duy trì quan hệ bất bình đẳng giữa vợ và chồng trong gia đình,
- Giải quyết ly hôn trên cơ sở lỗi của vợ và chồng, quy định về căn cứ ly hôn riêng đối với ly hôn đơn phương và thuận tình ly hôn.

##### **\* Giai đoạn từ 1945 – 1960**

Cách mạng tháng 8 thành công là điều kiện quan trọng để khẳng định những quyền cơ bản của công dân. Hiến pháp đầu tiên được ban hành ngày 09/11/1946 và sắc lệnh số 97-SL ngày 22/05/1950 đã xóa bỏ được những hủ tục trong hôn nhân, đồng thời công nhận những quyền về dân sự, hôn nhân gia đình của toàn thể công dân Việt Nam.

Ngày 17/11/1950, Chủ tịch nước đã ban hành sắc lệnh số 159-SL, quy định rõ ràng về căn cứ, thủ tục cùng hậu quả của việc ly hôn cũng như các vấn đề liên quan khác. Đây được xem là tiền đề để hình thành các luật hôn nhân và gia đình của nước ta sau này.

**\* Giai đoạn từ 1960 – 1987**

Tại kỳ họp thứ 11, Quốc hội khóa 1 đã chính thức thông qua Luật Hôn nhân và gia đình năm 1959, được quy định đầy đủ trong 6 chương với 35 điều cơ bản về các vấn đề trong quan hệ hôn nhân.

Năm 1972, miền Nam được giải phóng, để phù hợp hơn với cơ chế đất nước trong giai đoạn này, ngày 22/02/1978, Tòa án nhân dân tối cao đã ban hành Thông tư 60/TATC và Chỉ thị 69/TATC ngày 24/12/1979 hướng dẫn giải quyết các vấn đề trong quan hệ hôn nhân.

**\* Giai đoạn từ 1987 – 2001**

Trên cơ sở kế thừa những nội dung cốt lõi của Luật hôn nhân và gia đình năm 1959, Luật Hôn nhân và gia đình năm 1986 đã bao quát đầy đủ về các vấn đề hôn nhân gia đình tại nước ta. Văn bản quy phạm này gồm có 10 chương với 57 điều.

Đặc biệt, trong Luật này đã có Nghị quyết 01/NQ-HĐTP, Nghị định số 12-HĐBT cho phép người nước ngoài nhận con nuôi là trẻ em Việt Nam. Đến ngày 02/12/1993, ban hành theo Pháp lệnh hôn nhân và gia đình giữa công dân Việt Nam với công dân nước ngoài cùng Nghị định hướng dẫn chi tiết Nghị định 83/1998/NĐ-CP ngày 10/10/1998.

**\* Giai đoạn từ 2001 – 2015**

Ngày 09/06/2000, Quốc hội ban hành Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000, thay thế cho Luật Hôn nhân và gia đình năm 1986, có hiệu lực từ ngày 01/01/2001. Nội dung chính trong Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000 hướng đến xây dựng một gia đình ấm no, hạnh phúc, bình đẳng, tiến bộ, bền vững.

**\* Giai đoạn từ 2015 đến nay**

Sau thời gian áp dụng khá lâu và xuất hiện nhiều điểm bất cập. Vì vậy, ngày 19/06/2014, Quốc hội đã thông qua Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 thay thế cho tất các văn bản trước đó, có hiệu lực từ ngày 01/01/2015. Hiện tại, văn bản pháp luật này vẫn đang được áp dụng đến tận thời điểm này.

Cùng với sự phát triển của nền kinh tế và xã hội, Luật Hôn nhân và gia đình cũng có những bước thay đổi mạnh mẽ để đảm bảo quyền lợi và mang đến cuộc sống hạnh phúc cho toàn thể công dân.

## CHƯƠNG 2

### NỘI DUNG QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA CHA MẸ ĐỐI VỚI CON THEO LUẬT HÔN NHÂN VÀ GIA ĐÌNH VIỆT NAM

#### 2.1. Các nguyên tắc cơ bản về quyền và nghĩa vụ của cha mẹ đối với con theo Luật hôn nhân và gia đình Việt Nam

Quyền và nghĩa vụ của cha mẹ đối với con có mối liên quan mật thiết với nhau và được xác định theo một số nguyên tắc sau:

*Một là*, nguyên tắc quyền gắn liền với nghĩa vụ. Quyền của cha mẹ trong xã hội hiện đại được thừa nhận chủ yếu nhằm tạo điều kiện để cha mẹ thực hiện các nghĩa vụ của mình đối với con. Suy cho cùng, trong các quyền của cha mẹ đều có yếu tố nghĩa vụ và ngược lại, các nghĩa vụ của cha mẹ đều thể hiện quyền cha mẹ. “Bởi vậy, Luật hôn nhân và gia đình, khi mô tả quyền cha mẹ, thường sử dụng cụm từ “quyền và nghĩa vụ”. Quyền đi trước, nhằm nhấn mạnh sự thay đổi triệt để về quan điểm của người làm luật hiện đại đối với quyền cha mẹ so với người làm luật thời cổ”. Bởi lẽ dù cha mẹ có thực hiện quyền của cha mẹ đối với con thì mục đích hướng tới vẫn là vì lợi ích của con chứ không xuất phát từ lợi ích của cha mẹ.

*Hai là*, nguyên tắc bình đẳng giữa các con. Khi xây dựng chế định quyền của cha mẹ, luật chỉ dựa vào sự tồn tại của quan hệ cha mẹ-con. Luật không phân biệt tính chất của quan hệ đó tùy theo tính chất của mối quan hệ giữa cha và mẹ, cũng như tính chất của mối quan hệ giữa cha mẹ và con. Bởi vậy, con sinh ra từ quan hệ hôn nhân hợp pháp, từ quan hệ hôn nhân trái pháp luật, từ quan hệ chung sống như vợ chồng, thậm chí, từ các mối quan hệ “qua đường” giữa cha và mẹ, đều được đối xử ngang nhau. Tuy nhiên, về phương diện thực hiện quyền cha mẹ, sự bình đẳng phải được hiểu theo nghĩa tương đối: con không sống chung với cha mẹ dưới một mái nhà không thể đặt dưới sự kiểm soát, giám sát của cha mẹ cũng như không thể thụ hưởng việc chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục của cha mẹ trong cùng những điều kiện như con sống chung với cha mẹ.

*Ba là*, nguyên tắc bảo vệ quyền và lợi ích chính đáng của các con. Cha, mẹ khi thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình không được làm tổn hại đến sức khỏe, tinh thần và đạo đức của các con. Pháp luật không thể quy định một cách chi tiết cách hành xử của cha mẹ, bắt buộc cha mẹ phải thực hiện việc nuôi dạy con như thế nào nhưng pháp luật nghiêm cấm sự lạm dụng quyền của cha mẹ và xử lý nghiêm khắc trong trường hợp cha mẹ không thực hiện nghĩa vụ, trách nhiệm của mình. Không được phân biệt đối xử với con trên cơ sở giới hoặc theo tình trạng hôn nhân của cha mẹ; không được lạm dụng sức lao động của con chưa thành niên, con đã thành niên mất năng lực hành

vi dân sự hoặc không có khả năng lao động; không được xúi giục, ép buộc con làm việc trái pháp luật, trái đạo đức xã hội.

*Bốn là*, nguyên tắc quyền và nghĩa vụ của cha mẹ đối với con được thực hiện chung, liên tục và trực tiếp. Thực hiện chung có nghĩa là cha, mẹ không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình một cách phân tán, độc lập mà có sự trao đổi, hợp tác và thống nhất dựa trên thiên chức của người làm cha, làm mẹ trên cơ sở nguyên tắc bình đẳng giữa cha và mẹ trong việc thực hiện quyền và nghĩa vụ đối với con. Thực hiện trực tiếp có nghĩa là cha mẹ phải là những chủ thể tích cực nhất trong việc thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình đối với con, không thể ủy quyền hoặc giao phó cho người khác thực hiện thay quyền và nghĩa vụ của cha mẹ. Cha, mẹ có nghĩa vụ và quyền ngang nhau, cùng nhau chăm sóc và cùng chịu trách nhiệm khi con xảy ra thiệt hại ở bên ngoài.

## **2.2. Quyền và nghĩa vụ về nhân thân của cha mẹ đối với con**

Đối với con chưa thành niên, cha mẹ có quyền quyết định chế độ pháp lý về nhân thân của con theo quy định của pháp luật. Luật hôn nhân và gia đình năm 2000 hiện hành và Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 (có hiệu lực kể từ ngày 01/01/2015) đã kế thừa, phát triển và cụ thể hóa các quy định về quyền và nghĩa vụ về nhân thân của cha mẹ đối với con để phù hợp với tình hình kinh tế, xã hội hiện nay.

### **2.2.1. Quyền và nghĩa vụ khai sinh, đặt họ tên, xác định tôn giáo, dân tộc, quốc tịch, nơi ở của con**

Một trong những quyền cơ bản của con người là quyền được khai sinh, theo quy định tại Điều 30 Bộ luật dân sự 2015 “*Cá nhân sinh ra có quyền được khai sinh*”. Việc khai sinh có ý nghĩa vô cùng to lớn bởi vì thông qua nó, sự tồn tại của mỗi người với tư cách là một công dân sẽ được Nhà nước công nhận về mặt pháp lý. Từ đó các quyền khác mới được đảm bảo và thực hiện. Do đó, có thể xem quyền được khai sinh là một trong những quyền cơ bản của trẻ em. Tuy nhiên do trẻ em lúc mới sinh ra hoàn toàn non nớt cả về thể chất lẫn trí tuệ nên không thể tự mình thực hiện quyền này nếu không có sự hỗ trợ từ cha mẹ hoặc người thân trong gia đình. Vì vậy tuy Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 không quy định về vấn đề này song trong mối quan hệ giữa cha mẹ đối với con thì vấn đề này cần phải được đề cập đến.

### **2.2.2. Quyền và nghĩa vụ thương yêu, trông nom, chăm sóc, bảo vệ con**

Quyền và nghĩa vụ này được Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định khá đầy đủ tại Điều 69:



1. Thương yêu con, tôn trọng ý kiến của con; chăm lo việc học tập, giáo dục để con phát triển lành mạnh về thể chất, trí tuệ, đạo đức, trở thành người con hiếu thảo của gia đình, công dân có ích cho xã hội.

2. Trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của con chưa thành niên, con đã thành niên mất năng lực hành vi dân sự hoặc không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình.

3. Giám hộ hoặc đại diện theo quy định của Bộ luật dân sự cho con chưa thành niên, con đã thành niên mất năng lực hành vi dân sự.

4. Không được phân biệt đối xử với con trên cơ sở giới hoặc theo tình trạng hôn nhân của cha mẹ; không được lạm dụng sức lao động của con chưa thành niên, con đã thành niên mất năng lực hành vi dân sự hoặc không có khả năng lao động; không được xúi giục, ép buộc con làm việc trái pháp luật, trái đạo đức xã hội.

Như vậy “thương yêu, trông nom, chăm sóc, bảo vệ con” vừa là quyền, vừa là nghĩa vụ của cha mẹ. Là quyền của cha mẹ đối với con bởi lẽ không ai có thể ngăn cản hoặc tước đi quyền được yêu thương, trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc con cái từ phía cha mẹ ngoại trừ trường hợp đặc biệt, vì lợi ích của con mà quyền này bị hạn chế theo một quyết định hoặc một bản án của Tòa án. Ngược lại nó cũng là nghĩa vụ của cha mẹ bởi vì cha mẹ không có quyền từ chối trách nhiệm trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc con do mình sinh ra. Nếu vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ này, cha mẹ có thể bị Tòa án ra quyết định hạn chế quyền của cha mẹ đối với con chưa thành niên theo quy định của pháp luật Hôn nhân và gia đình. Có thể nói, đây là những nghĩa vụ tối thiểu mà pháp luật cũng như đạo đức xã hội đặt ra đối với cha mẹ vì lợi ích và sự phát triển lành mạnh của con. Thực chất đây không phải là những quy định mới về quyền và nghĩa vụ của cha mẹ đối với con mà ở đây các nhà làm luật quy định rõ hơn về đối tượng mà cha mẹ có quyền và nghĩa vụ thương yêu, trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, bảo vệ là “con chưa thành niên, con đã thành niên mất năng lực hành vi dân sự hoặc không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình”. Mặt khác, Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 đã bổ sung thêm quyền và nghĩa vụ “Giám hộ hoặc đại diện theo quy định của Bộ luật dân sự cho con chưa thành niên, con đã thành niên mất năng lực hành vi dân sự” vào điều luật quy định một cách khái quát về quyền và nghĩa vụ của cha mẹ.

### **2.2.3. Quyền và nghĩa vụ giáo dục con**

Giáo dục được hiểu theo nghĩa rộng nhất tức là tập hợp các biện pháp mà cha mẹ có quyền và có nghĩa vụ thực hiện nhằm mục đích thúc đẩy sự phát triển lành mạnh của con về trí tuệ, tài năng và nhân cách. Vì vậy, đây là quyền và nghĩa vụ hết sức

quan trọng và không thể thiếu của cha mẹ nhằm hình thành nhân cách, trang bị tri thức cho con tạo dựng cuộc sống trong tương lai. Quyền và nghĩa vụ giáo dục của cha mẹ đối với con được Điều 37 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000 quy định như sau:

1. Cha mẹ có quyền và nghĩa vụ giáo dục con, chăm lo và tạo điều kiện cho con học tập.

Cha mẹ tạo điều kiện cho con được sống trong môi trường gia đình đầm ấm, hòa thuận; làm gương tốt cho con về mọi mặt; phối hợp chặt chẽ với nhà trường và các tổ chức xã hội trong việc giáo dục con.

2. Cha mẹ hướng dẫn con chọn nghề; tôn trọng quyền chọn nghề, quyền tham gia hoạt động xã hội của con.

3. Khi gặp khó khăn không thể tự giải quyết được, cha mẹ có thể đề nghị cơ quan, tổ chức hữu quan giúp đỡ để thực hiện việc giáo dục con.

Quyền được học tập là một trong những quyền cơ bản nhất của trẻ em. Bởi lẽ trẻ em có được học tập, giáo dục tốt thì mới có thể tạo dựng được cuộc sống vững chắc, góp phần xây dựng và phát triển đất nước. Với tầm quan trọng đó, trong Công ước quốc tế về quyền trẻ em cũng như trong hệ thống pháp luật Việt Nam, giáo dục trẻ em không những là quyền mà còn là bổn phận của cha mẹ, của nhà trường và toàn xã hội. Việc giáo dục trẻ em để trở thành công dân có ích cho xã hội thuộc trách nhiệm từ nhiều phía nhưng quan trọng trước tiên phải kể đến là vai trò của gia đình. Gia đình là nền tảng giáo dục của trẻ em. Những tri thức đầu tiên mà trẻ nhận được từ khi sinh ra xuất phát từ cha, mẹ và những người thân trong gia đình. Không những thế, một gia đình êm ấm, cha mẹ hòa thuận yêu thương con cái là điều kiện tốt và là tấm gương để giáo dục con trẻ.

Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định quyền và nghĩa vụ giáo dục của cha mẹ tại Điều 72. Ngoài những nội dung đã được nhắc tới trong Luật hôn nhân và gia đình năm 2000, quy định này được sửa đổi, bổ sung “*quyền tham gia hoạt động chính trị, kinh tế, văn hóa*” của con mà cha mẹ có nghĩa vụ phải tôn trọng. Có thể nói đây là một trong những quyền hết sức cơ bản của con cần được cha mẹ ghi nhận và tôn trọng. Bởi lẽ, xã hội ngày càng phát triển, nhu cầu của con người ngày một nâng cao và đa dạng hơn. Không chỉ dừng lại ở nhu cầu ăn no, mặc ấm; mà trẻ em ngày nay được Nhà nước và xã hội trao cho rất nhiều cơ hội để tham gia các hoạt động chính trị, kinh tế và văn hóa tạo sân chơi lành mạnh cho các em và giúp các em thể hiện bản thân, rèn luyện kỹ năng sống tự lập. Đó có thể là: những hành động cụ thể, thiết thực trong những ngày lễ lớn của dân tộc hay các lễ hội của từng vùng miền; tham gia các game show truyền hình; tham gia các hoạt động vì môi trường, vì cộng đồng; giúp đỡ

trẻ em nghèo, người già neo đơn; tham gia hoặc tự mình phát triển các hoạt động kinh tế phù hợp với lứa tuổi... Đặc biệt là ở những vùng có điều kiện kinh tế khó khăn, việc các em tham gia và phát triển các hoạt động kinh tế cần được tạo điều kiện và khuyến khích. Tất cả những quyền tham gia các hoạt động về chính trị, kinh tế, văn hóa, cha mẹ có nghĩa vụ phải tôn trọng sự lựa chọn của con.

#### **2.2.4. Quyền và nghĩa vụ đại diện cho con**

Cha mẹ là người đại diện đương nhiên (đại diện theo pháp luật), người quản lý tài sản của con chưa thành niên.

Theo định nghĩa tại khoản 1 Điều 134 Bộ luật dân sự 2015 “Đại diện là việc cá nhân, pháp nhân (sau đây gọi chung là người đại diện) nhân danh và vì lợi ích của cá nhân hoặc pháp nhân khác (sau đây gọi chung là người được đại diện) xác lập, thực hiện giao dịch dân sự. Đại diện có hai hình thức là đại diện theo pháp luật và đại diện theo ủy quyền. Điều 137 Bộ luật dân sự 2015 quy định cha mẹ là người đại diện theo pháp luật với con chưa thành niên.

Quyền và nghĩa vụ đại diện của cha mẹ đối với con được Điều 73 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định cụ thể: “Cha mẹ là người đại diện theo pháp luật của con chưa thành niên, con đã thành niên mất năng lực hành vi dân sự, trừ trường hợp con có người khác làm giám hộ hoặc có người khác đại diện theo pháp luật”.

Quy định này được hiểu là nếu con chưa thành niên thì cha, mẹ là người đại diện theo pháp luật một cách đương nhiên (trừ trường hợp cha, mẹ bị hạn chế quyền đại diện theo pháp luật cho con theo quyết định của Tòa án). Nếu con đã thành niên mà mất năng lực hành vi dân sự thì không phải cha, mẹ là người đại diện đương nhiên của con mà tùy từng trường hợp cụ thể cha mẹ mới có thể là người đại diện theo pháp luật cho con như: con chưa có vợ, chồng, con hoặc có vợ, chồng, con nhưng họ không đủ điều kiện làm người giám hộ hoặc đại diện thì cha, mẹ có đủ điều kiện sẽ là người đại diện theo pháp luật của con.

Là người đại diện theo pháp luật, cha mẹ không chỉ đại diện cho con trong việc xác lập, thực hiện các giao dịch dân sự mà còn có vai trò quan trọng trong việc quản lý, sử dụng, định đoạt tài sản riêng của con cũng như thực hiện các biện pháp cần thiết để bảo vệ con khi các quyền dân sự của con bị xâm phạm. Những việc cha, mẹ làm khi đại diện cho con đều phải xuất phát từ lợi ích của con. Nếu cha mẹ lạm quyền, phá sản tài sản của con, ép buộc con làm những việc trái pháp luật... thì có thể bị hạn chế quyền của cha, mẹ với con, không được làm đại diện theo pháp luật của con trong một thời gian theo quyết định của Tòa án.

Về vấn đề đại diện cho con, Khoản 2,3,4, Điều 73 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 đã điều chỉnh bổ sung thêm một số nội dung cho cụ thể và rõ ràng hơn. Đó là:

2. Cha hoặc mẹ có quyền tự mình thực hiện giao dịch nhằm đáp ứng nhu cầu thiết yếu của con chưa thành niên, con đã thành niên mất năng lực hành vi dân sự hoặc không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình.

3. Đối với giao dịch liên quan đến tài sản là bất động sản, động sản có đăng ký quyền sở hữu, quyền sử dụng, tài sản đưa vào kinh doanh của con chưa thành niên, con đã thành niên mất năng lực hành vi dân sự thì phải có sự thỏa thuận của cha mẹ.

4. Cha, mẹ phải chịu trách nhiệm liên đới về việc thực hiện giao dịch liên quan đến tài sản của con được quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều này và theo quy định của Bộ luật dân sự.

### **2.3. Quyền và nghĩa vụ về tài sản của cha mẹ đối với con**

#### **2.3.1. Quyền và nghĩa vụ của cha mẹ trong việc quản lý, định đoạt tài sản riêng của con**

Hệ thống pháp luật của Nhà nước ta quy định theo nguyên tắc cha mẹ và con đều có quyền độc lập về tài sản. Luật hôn nhân và gia đình một lần nữa đã khẳng định: *“Con có quyền có tài sản riêng. Tài sản riêng của con bao gồm tài sản được thừa kế riêng, được tặng cho riêng, thu nhập do lao động của con, hoa lợi, lợi tức phát sinh từ tài sản riêng của con và các thu nhập hợp pháp khác. Tài sản được hình thành từ tài sản riêng của con cũng là tài sản riêng của con.”* [ , Điều 75, khoản 1]. Như vậy, theo quy định của pháp luật thì căn cứ xác lập tài sản riêng của con là: tài sản được thừa kế riêng, được tặng cho riêng, thu nhập do lao động của con, hoa lợi, lợi tức phát sinh từ tài sản riêng của con và các thu nhập hợp pháp khác. Ngoài ra, khoản 1 Điều 75 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 còn bổ sung thêm một căn cứ khác trong việc xác lập tài sản riêng của con đó là: *“Tài sản được hình thành từ tài sản riêng của con”*. Tuy con có tài sản riêng nhưng với những trường hợp con dưới 15 tuổi, con mất năng lực hành vi dân sự, vì lợi ích của con, tài sản đó phải được cha, mẹ quản lý.

Quyền và nghĩa vụ quản lý tài sản riêng của con được Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định tại Điều 76 như sau:

1. Con từ đủ 15 tuổi trở lên có thể tự mình quản lý tài sản riêng hoặc nhờ cha mẹ quản lý.

2. Tài sản riêng của con dưới 15 tuổi, con mất năng lực hành vi dân sự do cha mẹ quản lý. Cha mẹ có thể ủy quyền cho người khác quản lý tài sản riêng của con. Tài sản riêng của con do cha mẹ hoặc người khác quản lý được giao lại cho con khi con từ

đủ 15 tuổi trở lên hoặc khi con khôi phục năng lực hành vi dân sự đầy đủ, trừ trường hợp cha mẹ và con có thỏa thuận khác.

3. Cha mẹ không quản lý tài sản riêng của con trong trường hợp con đang được người khác giám hộ theo quy định của Bộ luật dân sự; người tặng cho tài sản hoặc để lại tài sản thừa kế theo di chúc cho người con đã chỉ định người khác quản lý tài sản đó hoặc trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

4. Trong trường hợp cha mẹ đang quản lý tài sản riêng của con chưa thành niên, con đã thành niên mất năng lực hành vi dân sự mà con được giao cho người khác giám hộ thì tài sản riêng của con được giao lại cho người giám hộ quản lý theo quy định của Bộ luật dân sự.

Như vậy theo quy định nêu trên thì cha, mẹ có nghĩa vụ giao lại tài sản cho con khi con từ đủ 15 tuổi trở lên hoặc khi con khôi phục năng lực hành vi dân sự đầy đủ nếu như giữa cha mẹ và con không có thỏa thuận khác. Quy định này nhằm đảm bảo cho quyền quản lý, sử dụng, định đoạt tài sản riêng của con. Ở độ tuổi từ đủ 15 tuổi trở lên các em đã có nhận thức tương đối đầy đủ và đã có ý thức, trách nhiệm đối với tài sản riêng của mình. Không ít trường hợp ở độ tuổi này các em đã góp vốn kinh doanh từ tài sản của mình. Vì vậy quy định này là cần thiết và hợp lý nhằm tạo ra sự chủ động cho các em trong việc quản lý, sử dụng tài sản của mình một cách hiệu quả nhất. Mặt khác nhằm đảm bảo tính khách quan, tránh trường hợp cha mẹ tẩu tán tài sản riêng của con cũng như nhằm đảm bảo lợi ích của con, quyền và nghĩa vụ của người giám hộ thì trong trường hợp cha mẹ đang quản lý tài sản của con chưa thành niên, con đã thành niên nhưng mất năng lực hành vi dân sự mà con được giao cho người khác giám hộ thì tài sản riêng của con được giao lại cho người giám hộ quản lý.

### **2.3.2. Nghĩa vụ bồi thường thiệt hại do con gây ra**

Bồi thường thiệt hại là một loại trách nhiệm dân sự, theo đó khi một người vi phạm nghĩa vụ pháp lý của mình gây tổn hại cho người khác thì phải bồi thường những tổn thất mà mình gây ra. Nghĩa vụ của cha, mẹ trong việc bồi thường thiệt hại do con gây ra được quy định tại Điều 74 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 “*Cha mẹ phải bồi thường thiệt hại do con chưa thành niên, con đã thành niên mất năng lực hành vi dân sự gây ra theo quy định tại Điều 611 của Bộ luật dân sự*”. Đây là trách nhiệm bổ sung của cha, mẹ, dựa trên cơ sở lỗi của cha, mẹ vì đã thiếu trách nhiệm trong việc trông nom, chăm sóc, giáo dục, quản lý con chưa thành niên hoặc con đã thành niên nhưng mất năng lực hành vi dân sự dẫn đến việc con gây thiệt hại cho người khác.

Từ những quy định nêu trên thì việc bồi thường thiệt hại của cha mẹ do con gây ra được xác định như sau:

Con từ đủ mười tám tuổi trở lên gây thiệt hại thì phải tự bồi thường.

Con chưa thành niên dưới mười lăm tuổi gây thiệt hại mà còn cha, mẹ thì cha, mẹ phải bồi thường toàn bộ thiệt hại; nếu tài sản của cha, mẹ không đủ để bồi thường mà con chưa thành niên gây thiệt hại có tài sản riêng thì lấy tài sản đó để bồi thường phần còn thiếu, trừ trường hợp quy định tại Điều 599 của Bộ luật dân sự 2015.

Con từ đủ mười lăm tuổi đến chưa đủ mười tám tuổi gây thiệt hại thì phải bồi thường bằng tài sản của mình; nếu không đủ tài sản để bồi thường thì cha, mẹ phải bồi thường phần còn thiếu bằng tài sản của mình.

Con chưa thành niên, con mất năng lực hành vi dân sự gây thiệt hại mà có người giám hộ thì người giám hộ đó được dùng tài sản của người được giám hộ để bồi thường; nếu người được giám hộ không có tài sản hoặc không đủ tài sản để bồi thường thì người giám hộ phải bồi thường bằng tài sản của mình; nếu người giám hộ chứng minh được mình không có lỗi trong việc giám hộ thì không phải lấy tài sản của mình để bồi thường [Điều 586 Bộ luật dân sự 2015].

Như vậy theo quy định của pháp luật trường hợp con đã thành niên có hành vi trái pháp luật gây thiệt hại cho người khác, dù còn ở chung với cha mẹ thì về nguyên tắc cha mẹ không phải bồi thường những thiệt hại đó bằng tài sản của cha mẹ. Con đã thành niên phải tự bồi thường bằng tài sản riêng của mình. Nếu con đã thành niên còn ở chung với cha mẹ mà có công sức đóng góp vào tài sản chung của gia đình thì phần công sức đóng góp đó được coi là tài sản của con. Tài sản riêng của con (nếu có) chưa đủ để bồi thường thì có thể trích phần tài sản của con trong khối tài sản chung của gia đình để bồi thường. Trường hợp con đã thành niên mất năng lực hành vi dân sự và cha mẹ đang phải nuôi dưỡng, chăm sóc quản lý thì cha mẹ phải bồi thường những thiệt hại do con đó gây ra cho người khác. Quyền và nghĩa vụ của cha mẹ trong việc bồi thường thiệt hại do con gây ra là sự thể chế hóa các quy định của Bộ luật dân sự 2015. Khi xác định việc bồi thường thiệt hại phải căn cứ vào từng trường hợp cụ thể.

## **2.4. Quyền và nghĩa vụ chăm sóc, nuôi dưỡng và cấp dưỡng của cha, mẹ đối với con trong một số trường hợp khác**

### **2.4.1. Quyền và nghĩa vụ chăm sóc, nuôi dưỡng của cha mẹ đối với con**

Nuôi dưỡng là việc một người đảm bảo các nhu cầu vật chất cho người khác để người này tồn tại và phát triển. Việc thực hiện nghĩa vụ nuôi dưỡng không chỉ đòi hỏi phải có yếu tố vật chất mà còn cần thiết phải có yếu tố không gian, có nghĩa là người có nghĩa vụ nuôi dưỡng và người được nuôi dưỡng phải sống chung với nhau. Nghĩa vụ nuôi dưỡng là nghĩa vụ tài sản chỉ phát sinh giữa các chủ thể có quan hệ hôn nhân, quan hệ huyết thống hoặc quan hệ nuôi dưỡng với nhau. Nghĩa vụ này mang tính chất

tự nhiên, xuất phát từ sự gắn bó thiêng liêng của yếu tố huyết thống nên từ khi sinh con ra, cha mẹ đã dành cho con sự yêu thương chăm sóc và nuôi dưỡng con đến khi con trưởng thành. Khi cha mẹ già yếu, đau ốm không có khả năng lao động thì các con chăm sóc, nuôi dưỡng cha mẹ. Người Việt Nam từ xa xưa đã tồn tại ý thức “trẻ cậy cha, già cậy con” nên cách xử sự trên tồn tại như một tất yếu. Cách xử sự mang tính nhân văn và hợp với lẽ tự nhiên đó được nhà làm luật nâng lên thành nghĩa vụ có tính pháp lý và quy định tại khoản 1 Điều 71 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014: “Cha mẹ có quyền và nghĩa vụ cùng nhau chăm sóc, nuôi dưỡng con chưa thành niên hoặc con đã thành niên bị tàn tật, mất năng lực hành vi dân sự, không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình”.

Nghĩa vụ nuôi dưỡng giữa cha, mẹ và con là nghĩa vụ có đi có lại nhưng không mang tính chất đồng thời và tuyệt đối, không mang tính chất đền bù tương đương. Nghĩa vụ nuôi dưỡng giữa cha, mẹ và con luôn gắn với nhân thân của mỗi chủ thể, không thể chuyển giao cho người khác và cũng không thể thay thế bằng nghĩa vụ khác. Về nguyên tắc, một người chỉ có quyền được nuôi dưỡng khi họ không có khả năng tự đảm bảo cuộc sống của mình. Do vậy, nghĩa vụ của cha mẹ là nuôi dưỡng con chưa thành niên (dưới 18 tuổi) hoặc con đã thành niên bị tàn tật, mất năng lực hành vi dân sự, không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình. Con đã thành niên có khả năng lao động hoặc có tài sản để tự nuôi mình thì cha mẹ không có nghĩa vụ nuôi dưỡng. Con chưa thành niên và con đã thành niên mất năng lực hành vi dân sự được xác định rõ ràng theo quy định tại Bộ luật dân sự. Đối với việc xác định con đã thành niên bị tàn tật thì căn cứ vào Pháp lệnh về Người tàn tật. Theo đó, con đã thành niên bị tàn tật là con bị khiếm khuyết một bộ phận nào đó trên cơ thể dẫn đến hạn chế hoặc mất khả năng tham gia vào quá trình lao động. Con đã thành niên không có khả năng lao động là con bị mắc bệnh nan y, bệnh hiểm nghèo dẫn đến không có sức khỏe để lao động; con đã thành niên nhưng đang phải học tập trong các trường phổ thông, trung học, đại học mà phải dành toàn bộ thời gian cho việc học tập nên không thể tham gia lao động tạo thu nhập...

#### **2.4.2. Quyền và nghĩa vụ cấp dưỡng của cha mẹ đối với con**

Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nêu định nghĩa về cấp dưỡng như sau:

Cấp dưỡng là việc một người có nghĩa vụ đóng góp tiền hoặc tài sản khác để đáp ứng nhu cầu thiết yếu của người không sống chung với mình mà có quan hệ hôn nhân, huyết thống hoặc nuôi dưỡng trong trường hợp người đó là người chưa thành niên, là người đã thành niên mà không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình, là người gặp khó khăn, túng thiếu (Khoản 24 Điều 3 LHN&GD 2014).

Quyền và nghĩa vụ cấp dưỡng của cha mẹ đối với con được Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định tại Điều 107:

1. Nghĩa vụ cấp dưỡng được thực hiện giữa cha, mẹ và con; giữa anh, chị, em với nhau; giữa ông bà nội, ông bà ngoại và cháu; giữa cô, dì, chú, cậu, bác ruột và cháu ruột; giữa vợ và chồng theo quy định của Luật này.

Nghĩa vụ cấp dưỡng không thể thay thế bằng nghĩa vụ khác và không thể chuyển giao cho người khác.

2. Trong trường hợp người có nghĩa vụ nuôi dưỡng trốn tránh nghĩa vụ thì theo yêu cầu của cá nhân, cơ quan, tổ chức được quy định tại Điều 119 của Luật này, Tòa án buộc người đó phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng theo quy định của Luật này.

Có thể nói, chế định cấp dưỡng trong Luật hôn nhân và gia đình là chế định quan trọng, góp phần không nhỏ trong việc củng cố nghĩa vụ nuôi dưỡng, chăm sóc của cha mẹ đối với con chưa thành niên, con đã thành niên nhưng có khiếm khuyết về thể chất và không có khả năng nuôi sống bản thân. Luật hóa chế định cấp dưỡng nhằm đảm bảo cho con những điều kiện về vật chất để được phát triển tốt nhất, nhất là trong các trường hợp đang diễn ra tương đối phổ biến trong xã hội hiện nay như: cha mẹ ly thân, ly hôn, sinh con ngoài giá thú...

#### **2.4.3. Quyền và nghĩa vụ của bố dượng, mẹ kế đối với con riêng của vợ hoặc của chồng**

Hiện nay có nhiều cặp vợ chồng kết hôn và sống chung với con riêng của một bên hoặc của cả hai bên đã có trong quan hệ hôn nhân trước. Do vậy, tình trạng bố dượng, mẹ kế sống chung với con riêng của bên kia là tương đối phổ biến. Xét trên cơ sở của quan hệ huyết thống thì giữa bố dượng, mẹ kế đối với con riêng của bên kia không phải là quan hệ cha – con, mẹ - con. Tuy nhiên do bố dượng là chồng của mẹ, mẹ kế là vợ của cha nên thực tế trong nhiều gia đình những người này vẫn gọi nhau và đối xử với nhau như cha, mẹ, con. Bên cạnh đó cũng có không ít gia đình lại có sự phân biệt đối xử giữa con chung, con riêng khi họ cùng chung sống dưới một mái nhà. Để đảm bảo quyền và lợi ích của con riêng và bố dượng, mẹ kế. Luật hôn nhân và gia đình quy định bố dượng, mẹ kế có quyền và nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, giáo dục con riêng cùng sống chung với mình như đối với con đẻ. Bố dượng, mẹ kế và con riêng của vợ hoặc chồng không được ngược đãi, hành hạ, xúc phạm nhau.

#### **2.4.4. Quyền và nghĩa vụ của cha mẹ chồng, cha mẹ vợ đối với con dâu, con rể**

Hiện nay không chỉ có cha mẹ đẻ - con đẻ sống chung dưới một mái nhà mà trong nhiều gia đình cha mẹ chồng, cha mẹ vợ chung sống với con dâu, con rể, đặc



biệt khu vực thành thị do vấn đề hạn hẹp về chỗ ở. Để phát huy truyền thống tốt đẹp của gia đình Việt Nam với đặc trưng là giàu tình thương yêu, hòa thuận giữa các thành viên trong gia đình đồng thời gắn nghĩa vụ và trách nhiệm của các thành viên với nhau trong việc tôn trọng, quan tâm, chăm sóc và giúp đỡ nhau trong cuộc sống, Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 đã quy định thêm về quyền, nghĩa vụ của con dâu, con rể, cha mẹ vợ, cha mẹ chồng. Theo đó: “Trong trường hợp con dâu, con rể sống chung với cha mẹ chồng, cha mẹ vợ thì giữa các bên có các quyền, nghĩa vụ tôn trọng, quan tâm, chăm sóc và giúp đỡ nhau theo quy định tại các điều 69, 70, 71 và 72 của Luật này” (Điều 80 LHN&GD 2014).

Quy định này được hiểu là giữa cha mẹ chồng, cha mẹ vợ đối với con dâu, con rể nếu sống chung với nhau thì có các quyền và nghĩa vụ của cha mẹ, quyền và nghĩa vụ của con; quyền và nghĩa vụ chăm sóc nuôi dưỡng; quyền và nghĩa vụ giáo dục con. Đây là quy định hoàn toàn mới so với Luật hôn nhân và gia đình năm 2000, sự ra đời của nó là thật sự cần thiết và có ý nghĩa hết sức to lớn. Là cần thiết bởi vì nó tạo ra hành lang pháp lý trong quan hệ giữa cha mẹ chồng, cha mẹ vợ với con dâu, con rể - một vấn đề quan trọng mà ở những Luật hôn nhân và gia đình trước đây còn bỏ ngỏ. Nó có ý nghĩa to lớn bởi vì quy định này góp phần đảm bảo cuộc sống ổn định cả về vật chất lẫn tinh thần giữa các thành viên trong gia đình, nhất là đối với những người già yếu mà đang sống cùng con dâu, con rể. Thật khó hình dung ra được khi cha mẹ chồng, cha mẹ vợ già yếu, thậm chí không có thu nhập sẽ như thế nào nếu thiếu đi sự quan tâm chăm sóc, phụng dưỡng của con dâu, con rể cùng sống chung với mình, ngược lại cha mẹ chồng, cha mẹ vợ cũng có thể quan tâm, giúp đỡ, chăm sóc, giáo dục con dâu con rể, giúp các con tạo lập cuộc sống ổn định, vững chắc.

#### **2.4.5. Quyền và nghĩa vụ của cha nuôi, mẹ nuôi đối với con nuôi**

Vấn đề về quyền và nghĩa vụ của cha nuôi, mẹ nuôi đối với con nuôi được quy định tại Điều 74 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000 “Giữa cha mẹ nuôi và con nuôi có các quyền và nghĩa vụ của cha mẹ và con theo quy định tại Luật này, kể từ thời điểm đăng ký việc nuôi con nuôi...”. Hiện nay vấn đề này được quy định chi tiết, cụ thể hơn tại Điều 78 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Theo đó:

1. Cha nuôi, mẹ nuôi, con nuôi có quyền và nghĩa vụ của cha, mẹ, con được quy định trong Luật này kể từ thời điểm quan hệ nuôi con nuôi được xác lập theo quy định của Luật nuôi con nuôi.

Trong trường hợp chấm dứt việc nuôi con nuôi theo quyết định của Tòa án thì quyền, nghĩa vụ của cha nuôi, mẹ nuôi với con nuôi chấm dứt kể từ ngày quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

2. Quyền, nghĩa vụ của cha đẻ, mẹ đẻ và con đã làm con nuôi của người khác được thực hiện theo quy định của Luật nuôi con nuôi.

3. Quyền, nghĩa vụ giữa cha đẻ, mẹ đẻ và con đẻ được khôi phục kể từ thời điểm quan hệ nuôi con nuôi chấm dứt. Trong trường hợp cha đẻ, mẹ đẻ không còn hoặc không có đủ điều kiện để nuôi con chưa thành niên, con đã thành niên mất năng lực hành vi dân sự hoặc không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình thì Tòa án giải quyết việc chấm dứt nuôi con nuôi và chỉ định người giám hộ cho con theo quy định của Bộ luật dân sự.

Như vậy theo quy định này, kể từ thời điểm quan hệ nuôi con nuôi được xác lập theo quy định của Luật nuôi con nuôi thì giữa cha mẹ nuôi và con nuôi có đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của cha mẹ đối với con theo quy định của pháp luật về hôn nhân và gia đình, pháp luật dân sự và các quy định khác của pháp luật có liên quan. Điều này thể hiện sự nhất quán của pháp Luật hôn nhân và gia đình Việt Nam dựa trên nguyên tắc “không phân biệt đối xử giữa các con”.

Về quyền và nghĩa vụ giữa cha mẹ đẻ và người con được cho làm con nuôi được xác định như sau: Trừ trường hợp giữa cha mẹ đẻ và cha mẹ nuôi có thỏa thuận khác, kể từ ngày giao nhận con nuôi, cha mẹ đẻ không còn quyền, nghĩa vụ chăm sóc, nuôi dưỡng, cấp dưỡng, đại diện theo pháp luật, bồi thường thiệt hại, quản lý, định đoạt tài sản riêng đối với con đã cho làm con nuôi. Quyền, nghĩa vụ giữa cha đẻ, mẹ đẻ và con đẻ được khôi phục kể từ thời điểm quan hệ nuôi con nuôi chấm dứt. Trong trường hợp cha đẻ, mẹ đẻ không còn hoặc không có đủ điều kiện để nuôi con chưa thành niên, con đã thành niên mất năng lực hành vi dân sự hoặc không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình thì Tòa án giải quyết việc chấm dứt nuôi con nuôi và chỉ định người giám hộ cho con theo quy định của Bộ luật dân sự.

### **2.5. Hạn chế quyền của cha mẹ đối với con chưa thành niên**

Những quyền về nhân thân và tài sản của cha mẹ đã nêu ở phần trên có thể bị hạn chế theo quy định tại Điều 85 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014:

1. Cha, mẹ bị hạn chế quyền đối với con chưa thành niên trong các trường hợp sau đây:

a) Bị kết án về một trong các tội xâm phạm tính mạng, sức khỏe, nhân phẩm, danh dự của con với lỗi cố ý hoặc có hành vi vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con;

b) Phá sản tài sản của con;

c) Có lối sống đồi trụy;

d) Xúi giục, ép buộc con làm những việc trái pháp luật, trái đạo đức xã hội.

2. Căn cứ vào từng trường hợp cụ thể, Tòa án có thể tự mình hoặc theo yêu cầu của cá nhân, cơ quan, tổ chức quy định tại Điều 86 của Luật này ra quyết định không cho cha, mẹ trông nom, chăm sóc, giáo dục con, quản lý tài sản riêng của con hoặc đại diện theo pháp luật cho con trong thời hạn từ 01 năm đến 05 năm. Tòa án có thể xem xét việc rút ngắn thời hạn này.

Thực chất biện pháp này là chế tài của Luật hôn nhân và gia đình áp dụng đối với hành vi phạm tội của cha mẹ, hoặc hành vi có lỗi xâm phạm đến lợi ích của con. Khi áp dụng biện pháp này, Tòa án cần cân nhắc thận trọng, chỉ quyết định tước quyền này của cha mẹ đối với con trong trường hợp thật cần thiết vì lợi ích của con. Tội phạm thực hiện đối với người con nào thì chỉ hạn chế quyền đối với người con đó; nếu con từ đủ 09 tuổi trở lên thì trước khi ra quyết định Tòa án cần tham khảo ý kiến của con. Quy định này khẳng định trách nhiệm của cha mẹ nhằm đảm bảo cha, mẹ phải thực hiện tốt các nghĩa vụ của họ đối với con để bảo vệ quyền lợi của con nói chung, con chưa thành niên nói riêng.

Theo quy định của pháp luật hôn nhân và gia đình hiện hành thì căn cứ để Tòa án đưa ra quyết định hạn chế quyền của cha mẹ đối với con chưa thành niên là: Cha, mẹ đã bị kết án về một trong các tội cố ý xâm phạm sức khỏe, nhân phẩm, danh dự của con; Cha, mẹ có hành vi vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con; Cha, mẹ có hành vi phá tán tài sản của con; Cha, mẹ có lối sống đồi trụy, xúi giục, ép buộc con làm những việc trái pháp luật, trái đạo đức xã hội. Sở dĩ pháp luật quy định như vậy bởi vì đối với con trong giai đoạn vị thành niên, cha, mẹ là người có ảnh hưởng lớn nhất đối với sự phát triển và trưởng thành của con cái. Tuy vậy trong cuộc sống đôi khi những giá trị đạo đức bị coi nhẹ hơn những lợi ích vật chất, có không ít các bậc cha, mẹ vì lợi ích trước mắt mà xem thường trách nhiệm của mình đối với con cái. Nghĩa vụ chăm sóc, nuôi dưỡng con chưa thành niên bị vi phạm một cách nghiêm trọng. Ở nhiều gia đình, cha mẹ dùng uy quyền để ép buộc con phải nghe theo đồng thời khi cần có thể sẵn sàng dùng tới vũ lực hoặc có những lời lẽ xúc phạm để buộc con phải làm những việc theo ý muốn của mình. Có những trường hợp khác cha, mẹ lại xúi giục, ép buộc con làm những việc trái pháp luật, trái đạo đức xã hội như bán hàng cấm, trộm cắp, mại dâm... để thu lợi bất chính. Đây là những hành vi cần được ngăn chặn kịp, trừng trị kịp thời bảo đảm cho trẻ chưa thành niên được sống trong môi trường giáo dục tốt để các em có thể phát triển lành mạnh về thể chất và trí tuệ và đạo đức, không bị lôi kéo vào con đường phạm tội.

Để phù hợp với tình hình thực tế và phát huy tốt hơn nữa chức năng, nhiệm vụ của các tổ chức xã hội, hiện nay những người có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền

của cha mẹ đối với con chưa thành niên được Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định lại tại Điều 86 như sau:

1. Cha, mẹ, người giám hộ của con chưa thành niên, theo quy định của pháp luật về tố tụng dân sự, có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền của cha, mẹ đối với con chưa thành niên.

2. Cá nhân, cơ quan, tổ chức sau đây, theo quy định của pháp luật về tố tụng dân sự, có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền của cha, mẹ đối với con chưa thành niên:

- a) Người thân thích;
- b) Cơ quan quản lý nhà nước về gia đình;
- c) Cơ quan quản lý nhà nước về trẻ em;
- d) Hội liên hiệp phụ nữ.

3. Cá nhân, cơ quan, tổ chức khác khi phát hiện cha, mẹ có hành vi vi phạm quy định tại khoản 1 Điều 85 của Luật này có quyền đề nghị cơ quan, tổ chức quy định tại các điểm b, c và d khoản 2 Điều này yêu cầu Tòa án hạn chế quyền của cha, mẹ đối với con chưa thành niên.

Như vậy theo quy định này thì những người được quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 86 nêu trên có quyền trực tiếp yêu cầu Tòa án hạn chế quyền của cha mẹ đối với con chưa thành niên. Các cá nhân, cơ quan, tổ chức khác cũng có quyền yêu cầu hạn chế quyền của cha mẹ đối với con chưa thành niên. Tuy nhiên họ chỉ có quyền gián tiếp yêu cầu Tòa án thông qua Cơ quan quản lý nhà nước về gia đình; Cơ quan quản lý nhà nước về trẻ em; Hội liên hiệp phụ nữ. Việc hạn chế quyền của cha, mẹ đối với con chưa thành niên được quyết định theo thủ tục chung về tố tụng dân sự.

Về hậu quả pháp lý của việc cha, mẹ bị hạn chế quyền đối với con chưa thành niên:

1. Trong trường hợp cha hoặc mẹ bị Tòa án hạn chế quyền đối với con chưa thành niên thì người kia thực hiện quyền trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con, quản lý tài sản riêng của con và đại diện theo pháp luật cho con.

2. Việc trông nom, chăm sóc, giáo dục con và quản lý tài sản riêng của con chưa thành niên được giao cho người giám hộ theo quy định của Bộ luật dân sự và Luật này trong các trường hợp sau đây:

- a) Cha và mẹ đều bị Tòa án hạn chế quyền đối với con chưa thành niên;
- b) Một bên cha, mẹ không bị hạn chế quyền đối với con chưa thành niên nhưng không đủ điều kiện để thực hiện quyền, nghĩa vụ đối với con;
- c) Một bên cha, mẹ bị hạn chế quyền đối với con chưa thành niên và chưa xác định được bên cha, mẹ còn lại của con chưa thành niên.

3. Cha, mẹ đã bị Tòa án hạn chế quyền đối với con chưa thành niên vẫn phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng cho con (Điều 87 LHN&GD 2014).

Đây không phải là chế tài đối với người bị hạn chế quyền của cha, mẹ mà chỉ là hệ quả của việc tước một phần quyền của cha, mẹ và tuy quyền của cha, mẹ đối với con luôn gắn liền với nghĩa vụ nhưng việc hạn chế quyền không có nghĩa là hạn chế cả nghĩa vụ. Có nghĩa là trong trường hợp cha, mẹ bị hạn chế quyền thì cha, mẹ vẫn phải thực hiện đầy đủ nghĩa vụ đối với con chưa thành niên. Khi Tòa án ra quyết định hạn chế quyền của cha mẹ đối với con chưa thành niên thì trong một số trường hợp con được giao cho người giám hộ trông nom, chăm sóc, giáo dục và quản lý tài sản riêng. Ngoài trường hợp cha, mẹ đều bị Tòa án hạn chế quyền đối với con chưa thành niên được quy định tại khoản 2 nêu trên, Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 còn quy định bổ sung thêm hai trường hợp khác mà việc trông nom, chăm sóc, giáo dục con và quản lý tài sản riêng của con chưa thành niên được giao cho người giám hộ khi cha mẹ bị hạn chế quyền đó là:

Một bên cha, mẹ không bị hạn chế quyền đối với con chưa thành niên nhưng không đủ điều kiện để thực hiện quyền, nghĩa vụ đối với con; Một bên cha, mẹ bị hạn chế quyền đối với con chưa thành niên và chưa xác định được bên cha, mẹ còn lại của con chưa thành niên (Khoản 2 Điểm b, c Điều 87 LHN&GD 2014).

Thời hạn hạn chế quyền của cha, mẹ không ngắn hơn quá 1 năm và không dài hơn quá 5 năm (Điều 41 LHN&GD 2014). Khi thời hạn hạn chế quyền của cha, mẹ đã hết thì việc khôi phục quyền của cha mẹ là đương nhiên chứ không cần thủ tục về xóa án tích như đối với án hình sự. Riêng trường hợp cha, mẹ muốn xin rút ngắn thời hạn hạn chế quyền thì phải do Tòa án xem xét, quyết định.

Có thể thấy Luật hôn nhân và gia đình Việt Nam quy định khá chi tiết và đầy đủ về các quyền và nghĩa vụ về nhân thân và tài sản của cha, mẹ đối với con dựa trên nguyên tắc bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của trẻ em. Những quy định của pháp luật đã tạo hành lang pháp lý vững chắc đồng thời ràng buộc trách nhiệm của cha mẹ, hướng cha mẹ tới những ứng xử chuẩn mực trong việc nuôi dạy con cái. Mặt khác những quy định về quyền và nghĩa vụ của cha mẹ đối với con nhằm tạo ra môi trường nuôi dạy tốt nhất để con trẻ phát triển lành mạnh cả về thể chất lẫn trí tuệ, trang bị cho con trẻ những hành trang vững chắc để tạo lập cuộc sống cho bản thân, cho gia đình và góp phần xây dựng đất nước.

Mặc dù vẫn còn tồn tại một số điểm bất hợp lý nhưng những quy định tiến bộ về quyền và nghĩa vụ của cha mẹ đã góp phần không nhỏ xóa đi những tư tưởng lạc hậu trong quan hệ cha, mẹ - con; về sự bất bình đẳng mối quan hệ giữa vợ - chồng

trong việc nuôi dạy con vốn đã ăn sâu trong tư tưởng người Việt Nam do xã hội phong kiến để lại. Bên cạnh đó, việc luật hóa quyền và nghĩa vụ của cha mẹ đối với con đã góp phần xây dựng gia đình Việt Nam giàu truyền thống văn hóa nhưng vẫn đáp ứng yêu cầu hội nhập, nhằm xây dựng xã hội Việt Nam ngày một giàu đẹp, văn minh.

## CHƯƠNG 3

### KIẾN NGHỊ HOÀN THIỆN PHÁP LUẬT HÔN NHÂN VÀ GIA ĐÌNH VIỆT NAM VỀ QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA CHA MẸ ĐỐI VỚI CON

#### 3.1. Thực trạng pháp luật về việc điều chỉnh thực hiện pháp luật về quyền và nghĩa vụ của cha mẹ đối với con

##### 3.1.1. Một số tồn tại trong quy định của pháp luật về quyền và nghĩa vụ của cha mẹ đối với con

Không thể phủ nhận những thành tựu của các quy định về quyền và nghĩa vụ của cha mẹ đối với con mà Pháp luật hôn nhân và gia đình Việt Nam đã mang lại. Điều đó tạo hành lang pháp lý và chuẩn mực chung cho các bậc cha mẹ trong việc nuôi dạy con cái trở thành những công dân tốt, tạo điều kiện cho con được sống và học tập trong môi trường tốt nhất về vật chất lẫn tinh thần để con có thể phát triển nry triển toàn diện. Tuy nhiên khi áp dụng các quy định về quyền và nghĩa vụ của cha mẹ đối với con theo Luật hôn nhân và gia đình năm 2000 vào thực tiễn vẫn gặp phải không ít những vướng mắc bất cập cần phải sửa đổi bổ sung cho phù hợp. Điều đó thể hiện ở những vấn đề sau:

*Một là*, về vấn đề khai sinh cho con. Quyền được khai sinh là một trong những quyền cơ bản nhất của mỗi người đã được ghi nhận trong bộ luật dân sự 2015. Vì thế sau khi con được sinh ra, vấn đề đăng ký khai sinh cho con không chỉ là quyền mà còn là nghĩa vụ của cha mẹ. Tuy nhiên quyền và nghĩa vụ khai sinh cho con của cha mẹ lại chưa được nhắc đến trong Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Do vậy Luật hôn nhân và gia đình cần bổ sung thêm điều luật về quyền và nghĩa vụ khai sinh cho con nhằm hoàn thiện hơn các quyền và nghĩa vụ của cha, mẹ đối với con.

*Hai là*, pháp luật quy định cha mẹ không được hành hạ, ngược đãi, xúc phạm con. Nhưng lại chưa có quy định cụ thể về những dạng hành vi này, với mức độ nào thì sẽ phải chịu chế tài của pháp luật. Thực tế khi nuôi dạy con, việc cha mẹ mắng chửi, thậm chí dùng đòn roi để giáo dục, răn đe con diễn ra rất phổ biến. Vì trong nhiều trường hợp việc giáo dục bằng cách giải thích, thuyết phục là không có hiệu quả. Ở từng độ tuổi, tùy thuộc vào nhận thức của con trẻ mà cha mẹ cần phải vận dụng các biện pháp mềm dẻo và cứng rắn khác nhau để giáo dục con. Nhưng nếu pháp luật không có những tiêu chí cụ thể thì chúng ta không thể phân biệt được ở mức độ nào thì cha mẹ được phép áp dụng để răn dạy con, mức độ nào thì được coi là cha mẹ đã hành hạ, ngược đãi, xúc phạm con cái. Do đó, pháp luật Hôn nhân và gia đình Việt Nam cần có những hướng dẫn cụ thể về những hành vi “hành hạ, xúc phạm, ngược đãi” con; ở mức độ nào thì cần phải xử lý nhằm tạo ra nhiều sự lựa chọn hơn cho cha

mẹ trong những cách thức thực hiện việc nuôi dạy con có hiệu quả đồng thời tránh sự lạm quyền của cha mẹ.

*Ba là*, về vấn đề cha mẹ quyết định những vấn đề quan trọng của con chưa thành niên. Trong một số trường hợp dù đã lắng nghe ý kiến, nguyện vọng của con nhưng cha mẹ không đạt được sự nhất trí đối với những công việc quan trọng của con chưa thành niên thì xử lý như thế nào? Vì theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình cha mẹ đều có quyền và nghĩa vụ ngang nhau đối với con, cha mẹ phải cùng nhau thực hiện quyền và nghĩa vụ đối với con cái. Do vậy vấn đề này khi phát sinh trong thực tế sẽ rất khó xử lý sao cho vừa đảm bảo quyền và lợi ích tốt nhất cho con, vừa đảm bảo quyền và nghĩa vụ của cha mẹ đối với con. Do đó trường hợp này pháp luật nên quy định những tổ chức có thẩm quyền: ví dụ như Tòa án, cơ quan quản lý nhà nước về gia đình... có quyền đưa quyết định về vấn đề quan trọng của con chưa thành niên khi cha mẹ không có sự thống nhất để cha mẹ có thể yêu cầu một trong số những tổ chức đó đưa ra quyết định trên cơ sở đảm bảo lợi ích tốt nhất cho con trẻ.

*Bốn là*, về vấn đề xác định cha, mẹ, con, đặc biệt là xác định cha, mẹ, con ngoài giá thú. Hiện nay, loại án kiện xác định cha, mẹ, con ngoài giá thú phát sinh khá nhiều và hầu hết các Tòa án vẫn áp dụng theo Thông tư số 02/2020/TT-TANDTC ngày 16/11/2020 của Tòa án nhân dân tối cao nhắc lại đường lối xét xử ly hôn và một số tranh chấp về dân sự, hôn nhân và gia đình trong đó có nêu ra một số chứng cứ để xác định cha, mẹ, con. Tuy nhiên những chứng cứ đó là chưa đủ dẫn đến những tranh chấp về xác định cha, mẹ, con thiếu hẳn cơ sở để giải quyết. Do vậy pháp luật cần quy định thêm những căn cứ để giải quyết tranh chấp trong trường hợp này. Mặt khác trường hợp người mẹ đơn thân muốn xác định cha cho con thì khi áp dụng các quy định của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 có thể thấy còn những điểm chưa thật sự phù hợp. Điều đó thể hiện ở chỗ có nhiều bà mẹ sinh con mà không có quan hệ hôn nhân (sinh con ngoài giá thú) muốn xác định cha cho con nhưng lại không xuất trình được đầy đủ chứng cứ để chứng minh quan hệ cha con, những trường hợp này thường phải giám định gen mới có căn cứ xác định cha đứa trẻ. Tuy nhiên hiện nay chi phí giám định gen là khá cao so với mức thu nhập của nhiều bà mẹ nên họ không đủ chi phí để thực hiện được việc này. Điều này dẫn đến chưa đảm bảo được quyền, lợi ích hợp pháp của bà mẹ và trẻ em. Do đó pháp luật cần quy định đối với người được xác định là cha đứa trẻ có trách nhiệm chịu chi phí giám định gen hoặc chịu một nửa chi phí đó. Bởi lẽ người mẹ đơn thân đó đã phải chịu nhiều thiệt thòi trong quá trình mang thai, sinh con và nuôi con một mình nên người cha cũng cần phải san sẻ trách nhiệm. Hơn nữa, đây cũng là trách nhiệm chung của hai người với tư cách là cha và mẹ đứa trẻ. Mặt khác,



khi các đương sự rõ ràng có khó khăn thật sự về kinh tế thì pháp luật cũng cần có quy chế miễn giảm chi phí giám định cho họ để họ có thể thực hiện được đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình.

Năm là, về vấn đề cấp dưỡng, tại khoản 2 Điều 50 Luật hôn nhân và gia đình quy định “*Trong trường hợp người có nghĩa vụ nuôi dưỡng mà trốn tránh nghĩa vụ thì theo yêu cầu của cá nhân, cơ quan, tổ chức được quy định tại Điều 119 của Luật này, Tòa án buộc người đó phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng theo quy định của Luật này*”. Nhưng Luật chưa quy định rõ thế nào là “*trốn tránh nghĩa vụ nuôi dưỡng*” nên việc áp dụng điều luật này vào thực tiễn còn khó khăn và dẫn đến nhiều cách hiểu khác nhau. Do đó cần có hướng dẫn cụ thể về vấn đề này để có một cách hiểu thống nhất. Mặt khác, tuy những quy định về nghĩa vụ cấp dưỡng của cha mẹ tương đối đầy đủ nhưng lại thiếu chế tài cụ thể dẫn đến khó áp dụng trong thực tiễn. Mặc dù để đảm bảo cho việc thực hiện nghiêm chỉnh nghĩa vụ cấp dưỡng pháp luật đã quy định “*tội từ chối hoặc trốn tránh nghĩa vụ cấp dưỡng*” trong Bộ luật hình sự nhưng nó chỉ được áp dụng khi gây ra hậu quả nghiêm trọng cho người được cấp dưỡng. Như thế là chưa đủ để đảm bảo cho nghĩa vụ này được tự giác thực hiện với mức độ cao nhất. Thiết nghĩ pháp luật cần quy định thêm nhiều chế tài xử lý hơn khi nghĩa vụ này không được các bậc cha mẹ tự giác thực hiện như: khấu trừ vào tiền lương; kê biên; tịch thu tài sản... của người có nghĩa vụ cấp dưỡng mà cố ý không thực hiện khi có yêu cầu. Có như vậy mới đảm bảo được quyền lợi cho người được cấp dưỡng.

Về mức cấp dưỡng quy định tại Điều 82 và Điều 116 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định còn quá chung chung, chưa có sự thống nhất. Thực tế hiện nay khi giải quyết về vấn đề cấp dưỡng thì khi Tòa án ấn định mức cấp dưỡng thường căn cứ vào hướng dẫn tại Nghị định số 167/2013/NĐ-CP ngày 12/11/2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật hôn nhân và gia đình 2014 và Nghị quyết số 03/2012/NQ-HĐTP ngày 03/12/2012 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 tuy nhiên mức cấp dưỡng vẫn còn thấp hơn rất nhiều so với nhu cầu thiết yếu của người được cấp dưỡng. Do đó pháp luật cần quy định mức cấp dưỡng cụ thể vào Luật hôn nhân và gia đình để thống nhất cách áp dụng trong mọi trường hợp. Mức cấp dưỡng cần được quy định theo mức lương tối thiểu của từng thời điểm mà Nhà nước quy định để làm căn cứ tính mức cấp dưỡng, đồng thời đưa ra các tiêu chí làm căn cứ xác định mức cấp dưỡng (như thu nhập thực tế của người có nghĩa vụ phải cấp dưỡng, mức sống tại địa phương...).

Theo quy định trên, mức trợ cấp cho con sau ly hôn được xác định theo một trong hai cách như sau:

**\* Do hai bên thỏa thuận**

Hai bên vợ chồng có thể *thỏa thuận* với nhau về số tiền cấp dưỡng nuôi con sau ly hôn. Việc thỏa thuận mức trợ cấp phải căn cứ vào thu nhập, khả năng thực tế của người thực hiện cấp dưỡng và nhu cầu thiết yếu của con để đảm bảo tốt nhất quyền lợi của con.

**\* Do Tòa án xác định**

Trong trường hợp hai bên không thể thỏa thuận được thì yêu cầu Tòa án xác định mức cấp dưỡng cho con *khi ly hôn*. Tòa án cũng sẽ dựa trên thu nhập lao động thực tế của người thực hiện cấp dưỡng và xác minh nhu cầu của con để xác định mức cấp dưỡng.

Bên cạnh đó, mức cấp dưỡng nuôi con khi ly hôn có thể được thay đổi khi có lý do chính đáng. Các bên có thể thỏa thuận về việc thay đổi mức cấp dưỡng. Trong trường hợp không thỏa thuận được thì các bên yêu cầu Tòa giải quyết.

Điều 82 Luật HN&GD 2014 quy định:

*“1. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với người trực tiếp nuôi.*

*2. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con.*

*3. Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.*

*Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó”.*

Sáu là, về quyền và nghĩa vụ quản lý, định đoạt tài sản riêng của con chưa thành niên, con mất năng lực hành vi dân sự. Hiện nay, Luật hôn nhân gia đình quy định cho cha mẹ quản lý tài sản riêng của con chưa thành niên và con mất năng lực hành vi dân sự nhưng lại chỉ quy định về quyền định đoạt của cha mẹ đối với tài sản của con dưới mười lăm tuổi mà không quy định về quyền định đoạt của cha mẹ đối với tài sản của con mất năng lực hành vi dân sự. Trong khi đó con mất năng lực hành vi dân sự không được tham gia các giao dịch dân sự. Vì vậy khi cần định đoạt tài sản riêng của con mất năng lực hành vi dân sự vì lợi ích của con thì cha mẹ cũng không thể thực hiện điều này dẫn đến không đảm bảo được quyền và lợi ích của con mất năng lực hành vi dân sự. Do đó Luật hôn nhân và gia đình cần quy định thêm quyền và nghĩa vụ của cha mẹ

trong việc định đoạt tài sản riêng của con mất năng lực hành vi dân sự theo hướng trong trường hợp cha mẹ quản lý tài sản riêng của con mất năng lực hành vi dân sự thì có quyền định đoạt tài sản đó vì lợi ích của con.

*Bảy là*, về vấn đề bồi thường thiệt hại do con gây ra còn một số điểm bất cập khi áp dụng vào thực tiễn, cụ thể là:

*Thứ nhất*, Điều 74 Luật hôn nhân và gia đình 2014 quy định “Cha mẹ phải bồi thường thiệt hại do con chưa thành niên, con đã thành niên mất năng lực hành vi dân sự gây ra theo quy định” cần phải quy định lại cho phù hợp với Bộ luật dân sự 2015. Tại Bộ luật dân sự 2015, trách nhiệm bồi thường thiệt hại do người chưa thành niên gây ra được quy định tại Điều 586 về năng lực chịu trách nhiệm bồi thường thiệt hại của cá nhân và Điều 599 về bồi thường thiệt hại do người dưới mười lăm tuổi, người mất năng lực hành vi dân sự gây ra trong thời gian trường học, bệnh viện, tổ chức khác trực tiếp quản lý. Như vậy thực chất quy định trách nhiệm bồi thường thiệt hại do con gây ra là việc thể chế hóa luật dân sự vào Luật hôn nhân và gia đình. Theo quy định tại điều 586 Bộ luật dân sự khi người chưa thành niên, người mất năng lực hành vi dân sự gây thiệt hại thì cha, mẹ hoặc người giám hộ phải chịu trách nhiệm bồi thường thiệt hại. Tuy nhiên điều luật này mới chỉ đề cập đến việc bồi thường thiệt hại về vật chất. Vấn đề bồi thường, khắc phục hậu quả đối với những thiệt hại về tinh thần mà con chưa thành niên, con đã thành niên mất năng lực hành vi dân sự gây ra cho người khác thì trách nhiệm của cha mẹ như thế nào vẫn chưa được pháp luật đề cập đến. Bởi vì trong thực tế thiệt hại do con gây ra không phải lúc nào cũng chỉ có thiệt hại về vật chất mà nhiều trường hợp còn có cả thiệt hại về tinh thần gây ra cho người khác. Do vậy pháp luật cần quy định bổ sung trong trường hợp con chưa thành niên, con mất năng lực hành vi dân sự gây thiệt hại về tinh thần cho người khác thì cha mẹ hoặc người giám hộ ngoài việc bồi thường thiệt hại bằng tài sản họ còn có trách nhiệm công khai xin lỗi người bị thiệt hại.

*Thứ hai*, vấn đề bồi thường thiệt hại do con gây ra trong trường hợp cha mẹ đã ly hôn vẫn chưa được quy định cụ thể. Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 chỉ quy định việc trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con sau khi ly hôn:

1. Sau khi ly hôn, cha mẹ vẫn có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con chưa thành niên, con đã thành niên mất năng lực hành vi dân sự hoặc không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình theo quy định của Luật này, Bộ luật dân sự và các luật khác có liên quan.

2. Vợ, chồng thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con, nghĩa vụ, quyền của mỗi bên sau khi ly hôn đối với con; trường hợp không thỏa thuận được thì Tòa án quyết

định giao con cho một bên trực tiếp nuôi căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con; nếu con từ đủ 07 tuổi trở lên thì phải xem xét nguyện vọng của con.

3. Con dưới 36 tháng tuổi được giao cho mẹ trực tiếp nuôi, trừ trường hợp người mẹ không đủ điều kiện để trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con hoặc cha mẹ có thỏa thuận khác phù hợp với lợi ích của con [Điều 81].

Như vậy Luật không quy định trách nhiệm bồi thường thiệt hại thuộc về vợ hay chồng sau khi ly hôn nên khi con chưa thành niên, con đã thành niên mất năng lực hành vi gây thiệt hại thì không có cơ sở xác định trách nhiệm bồi thường thiệt hại cho con thuộc về bên nào. Do đó pháp luật cần quy định cụ thể về trách nhiệm bồi thường thiệt hại cho con trong trường hợp vợ chồng ly hôn theo hướng bên nào quản lý tài sản của con hoặc bên nào trực tiếp nuôi con có trách nhiệm bồi thường thiệt hại do hành vi của con gây ra.

*Tám là*, về vấn đề hạn chế quyền của cha, mẹ đối với con chưa thành niên. Có thể nói đây là chế tài được áp dụng với các bậc cha mẹ có hành vi vi phạm nghiêm trọng đối với con chưa thành niên. Tuy nhiên trong thực tiễn thực hiện điều luật này rất ít khi được áp dụng và nếu có được áp dụng thì hiệu quả mang lại là không cao, không đạt được mục đích mà điều luật hướng tới. Điều đó xuất phát từ những nguyên nhân chủ yếu là:

*Thứ nhất*, do xuất phát từ quan niệm sai lầm là ai sinh con ra có quyền nuôi dạy theo cách của mình, không ai có quyền can thiệp vào. Do đó khi cha, mẹ của con chưa thành niên có một trong các hành vi được quy định tại Điều 85 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 thì những chủ thể có quyền yêu cầu hạn chế quyền của cha mẹ mặc dù biết nhưng cũng rất ít khi nhờ tới sự can thiệp của các cơ quan chức năng hoặc yêu cầu Tòa án giải quyết cho nên trên thực tế việc cha, mẹ vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ đối với con chưa thành niên diễn ra nhiều nhưng số trường hợp bị xử lý là rất ít. Thậm chí trong thực tế khi Tòa án xét xử các vụ án hình sự và tuyên phạt cha mẹ về một trong các đối với con chưa thành niên thì phần lớn các Tòa cũng không tự mình ra quyết định hạn chế quyền cha mẹ đối với con chưa thành niên mặc dù trong trường hợp này Tòa án đã biết và có quyền ra quyết định đó. Vì vậy pháp luật cần bổ sung thêm quy định trong trường hợp này Tòa án phải có trách nhiệm xem xét ra quyết định hạn chế quyền của cha mẹ đối với con chưa thành niên nếu xét thấy điều đó là cần thiết.

*Thứ hai*, hiện nay chúng ta vẫn thiếu cơ chế để thực hiện việc hạn chế quyền của cha mẹ đối với con chưa thành niên. Bởi lẽ trong trường hợp cả cha và mẹ đều bị hạn chế quyền mà con không có người giám hộ hoặc có nhưng người giám hộ cũng không đủ điều kiện để chăm sóc, nuôi dưỡng thì hiện tại vẫn chưa có quy định cụ thể nào của

pháp luật về việc sẽ giao đứa trẻ đó cho cơ quan, tổ chức nào thực hiện việc chăm sóc, nuôi dưỡng. Do đó trên thực tế sau khi cha hoặc mẹ hoặc cả cha và mẹ đều bị hạn chế quyền thì chính cha mẹ của con chưa thành niên vẫn được giao tiếp tục nuôi dưỡng con, có quyền sống cùng với con nên việc thi hành quyết định hạn chế quyền cha mẹ của Tòa án là tương đối khó khăn và thiếu cơ chế giám sát.

Để quy định này thật sự đi vào thực tiễn và phát huy được tác dụng của nó pháp luật cần có hướng dẫn cụ thể trong trường hợp cả cha và mẹ đều bị hạn chế quyền đối với con chưa thành niên theo hướng: nếu giao con cho người giám hộ thì người đó phải có đủ điều kiện cần thiết đảm bảo cho việc chăm sóc, giáo dục trẻ em; nếu không có người giám hộ hoặc người giám hộ không đủ điều kiện chăm sóc, giáo dục thì trẻ được đưa vào những cơ sở xã hội có đủ điều kiện nuôi dạy trẻ và cha mẹ phải chịu mọi chi phí để phục vụ cho việc nuôi dạy con trong trường hợp đó. Bên cạnh đó các cơ quan chức năng cần làm tốt công tác tuyên truyền, vận động để các cá nhân, cơ quan, tổ chức hiểu rõ quy định của pháp luật Hôn nhân và gia đình về hạn chế quyền cha mẹ đối với con chưa thành niên nhằm phát hiện xử lý kịp thời những trường hợp vi phạm, bảo vệ quyền lợi cho con chưa thành niên.

### **3.1.2. Thực trạng điều chỉnh thực hiện pháp luật về quyền và nghĩa vụ của cha mẹ đối với con theo Luật hôn nhân và gia đình**

#### **3.1.2.1. Ưu điểm**

Trong xã hội pháp chế xã hội chủ nghĩa, khi mà pháp luật được thượng tôn thì quyền và nghĩa vụ của cha mẹ đối với con cái ngày càng có những phát triển tiến bộ hơn. Luật hôn nhân và gia đình đã quy định khá đầy đủ, chặt chẽ về quyền và nghĩa vụ của cha mẹ đối với con, phù hợp với xu thế hội nhập, thể chế hóa những quy định của Công ước quốc tế về quyền trẻ em phù hợp với truyền thống văn hóa và xã hội Việt Nam.

Các quy định về quyền và nghĩa vụ về nhân thân của cha mẹ đối với con được Luật hôn nhân và gia đình ghi nhận theo nguyên tắc bảo vệ trẻ em – đối tượng cần được chăm sóc và bảo vệ đặc biệt, những chủ nhân tương lai của đất nước. Chính vì thế việc quan tâm, chăm sóc và bảo vệ trẻ em luôn là chủ trương lớn của Đảng và Nhà nước ta và được xác định là trách nhiệm to lớn của gia đình cũng như xã hội, thể hiện tính ưu việt của xã hội ta. Trên thực tế, trong thời gian vừa qua đất nước ta đã có sự phát triển khá mạnh mẽ và đạt được nhiều thành tựu về kinh tế. Đời sống vật chất, tinh thần của nhân dân được nâng cao rõ rệt, tỷ lệ mù chữ, đói nghèo, suy dinh dưỡng của trẻ em ngày càng được thu hẹp. Có thể nói các quyền và nghĩa vụ về nhân thân của

cha, mẹ đối với con đã được các bậc cha mẹ quan tâm, thực hiện tương đối tốt. Thể hiện trên rất nhiều khía cạnh khác nhau:

- Vấn đề trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc con: Đây là vấn đề hết sức quan trọng, được thực hiện từ khi con sinh ra và có ảnh hưởng rất lớn tới sự hình thành nhân cách và phát triển về mọi mặt của con cái sau này. Vì vậy, ngày nay trong bối cảnh khoa học kỹ thuật ngày càng phát triển, mọi nhu cầu của đời sống ngày một nâng cao, môi trường sống có nhiều biến đổi tiêu cực ảnh hưởng đến sức khỏe con người thì những tiêu chuẩn đặt ra trong việc nuôi dưỡng, chăm sóc con trẻ cũng càng khắt khe hơn. Cho nên cha mẹ luôn cố gắng tạo ra những điều kiện tốt nhất cho con, có không ít bậc cha mẹ sau khi sinh dành hẳn thời gian chăm sóc con trong những năm đầu đời. Ở những nơi kinh tế còn kém phát triển như miền núi, hải đảo và nông thôn, các bậc phụ huynh cũng đã được nâng cao nhận thức chăm lo cho con em mình có cơm ăn áo mặc, được cấp sách tới trường. Không những thế, thời gian bố mẹ nuôi dưỡng con cái ngày càng lâu dài hơn, không chỉ nuôi dạy con đến tuổi trưởng thành mà cha mẹ còn cho con học đại học, cao đẳng, học nghề... trang bị cho con những hành trang cần thiết để con lập thân lập nghiệp. Với những gia đình có điều kiện nhất là ở khu vực thành thị khi con cái đã trưởng thành, có thể tự lo cuộc sống cho mình thì cha mẹ vẫn không ngừng chăm sóc, nuôi dưỡng con.

- Việc giáo dục con cái cũng được cha mẹ quan tâm thực hiện tốt, ngoài việc chăm lo các điều kiện vật chất thì việc giáo dục con cũng phải thực hiện liên tục và cần được theo dõi sát sao. Giáo dục con trong xã hội ngày nay đã có nhiều tiến bộ khác xưa bởi lẽ nó diễn ra trong bối cảnh có sự giao thoa mạnh mẽ giữa các nền văn hóa và sự phát triển bùng nổ của công nghệ thông tin. Bởi vậy giáo dục con sao cho vẫn giữ được nét truyền thống của văn hóa gia đình Việt Nam, phù hợp với xu thế thời đại nhưng đồng thời cũng phải tránh được những ảnh hưởng tiêu cực của xã hội đòi hỏi cha mẹ phải nắm bắt được tâm lý con trẻ và có những biện pháp phù hợp. Việc giáo dục con đòi hỏi phải có sự kết hợp chặt chẽ giữa gia đình, nhà trường và toàn xã hội. Bởi lẽ thời gian con cái đến trường thì trách nhiệm quản lý, giáo dục thuộc về nhà trường. Ở đó không những dạy cho các em kiến thức mà còn dạy các em cách làm người. Ngày nay, hầu hết các bậc cha mẹ khi nuôi dạy con cái đều nêu cao tinh thần bình đẳng giữa cha mẹ và con cái. Cha mẹ đã biết lắng nghe, chia sẻ ý kiến với con cái, giảng giải và phân tích đúng sai chứ không hoàn toàn áp đặt ý chí của mình bắt con cái phải nghe theo. Bên cạnh đó, cha mẹ đã tích cực ủng hộ và khuyến khích con tham gia các hoạt động xã hội vì lợi ích cộng đồng qua đó thúc đẩy sự phát triển lành mạnh của con về trí tuệ, tài năng và nhân cách. Các bậc cha mẹ không chỉ dừng lại ở

việc giáo dục con phải ngoan ngoãn, lễ phép mà còn chú ý đến việc khuyến khích con trẻ tính chủ động, sáng tạo trong suy nghĩ và hành động.

- Về vấn đề hướng dẫn con chọn nghề, tôn trọng quyền chọn nghề của con, gần đây cha, mẹ cũng đã có những suy nghĩ thoáng hơn, định hướng nghề nghiệp cho con trên cơ sở tôn trọng sở thích của con. Lựa chọn nghề nghiệp là bước khởi đầu trên con đường sự nghiệp của mỗi người vì vậy cha mẹ với tư cách là người đã có kinh nghiệm thực tế, nắm bắt được nhu cầu của xã hội và cũng là người hiểu rõ nhất sở trường, tâm tư nguyện vọng của con cái sẽ cho con những định hướng thật đúng đắn để con chọn nghề nghiệp phù hợp với bản thân. Đồng thời cha mẹ là điểm tựa tinh thần giúp con cái thực hiện ước mơ nghề nghiệp và đồng hành cùng con cái trong chặng đường quan trọng này.

- Các quy định của pháp luật về quyền và nghĩa vụ về tài sản của cha mẹ đối với con cũng được các bậc cha mẹ quan tâm và thực hiện tương đối đầy đủ với tinh thần trách nhiệm cao. Cụ thể là: Về vấn đề cấp dưỡng nuôi con: Nghĩa vụ cấp dưỡng được đặt ra khi cha hoặc mẹ không trực tiếp nuôi con và không phụ thuộc vào tình trạng hôn nhân của cha mẹ. Có một thực tế hiện nay là ở các vùng nông thôn, các bậc cha mẹ thường đi làm tại các khu công nghiệp, lên thành phố tìm việc làm hoặc đi xuất khẩu lao động để gửi tiền về nuôi con ăn học diễn ra ngày càng phổ biến. Nhờ vậy mà con cái được ăn uống đầy đủ, được cấp sách đến trường. Khi cha, mẹ ly hôn, nghĩa vụ cấp dưỡng cho con khi không trực tiếp nuôi con được Tòa án giải thích rõ và quyết định hết sức thỏa đáng. Phần lớn các vụ án ly hôn đều được các bên đương sự thỏa thuận về mức cấp dưỡng và ít có tranh chấp. Điều đó xuất phát từ nhận thức về trách nhiệm nuôi dưỡng của cha mẹ đối với con cái.

- Việc quản lý, định đoạt tài sản của con: Ngày nay không ít trẻ em có tài sản riêng. Đó là các trường hợp như được hưởng thừa kế, được tặng cho, hoa lợi, lợi tức phát sinh từ tài sản riêng của con, thu nhập do lao động của con và các thu nhập hợp pháp khác... tuy nhiên với nhận thức còn hạn chế, việc quản lý và sử dụng khối tài sản đó sao cho có hiệu quả lại là trở ngại đối với các em. Do đó, cha mẹ với vai trò là người đại diện, người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con sẽ là đối tượng phù hợp nhất quản lý, định đoạt tài sản riêng của con trên cơ sở đảm bảo quyền lợi của con. Bên cạnh đó các bậc cha mẹ còn động viên, khuyến khích con trong việc tạo ra tài sản riêng, tích lũy để phục vụ cuộc sống về sau khi các em trưởng thành. Đối với những quyết định liên quan đến tài sản là bất động sản; động sản có đăng ký quyền sở hữu, quyền sử dụng; tài sản dùng vào việc kinh doanh từ tài sản riêng của con cha mẹ đều có sự bàn bạc thống nhất, cân nhắc kỹ lưỡng để hướng dẫn, khuyên bảo con sao cho

những tài sản đó được sử dụng một cách hiệu quả nhất, tránh những rủi ro không đáng có.

- Đối với nghĩa vụ bồi thường thiệt hại do hành vi trái pháp luật của con gây ra đại đa số các trường hợp đều được các bậc cha, mẹ chấp hành tốt và thực hiện khá đầy đủ. Hiện nay, số lượng tội phạm vị thành niên chiếm tỷ lệ tương đối cao và có xu hướng ngày một gia tăng. Các trường hợp phạm tội hoặc gây thiệt hại thường rơi vào các gia đình có hoàn cảnh khó khăn, thiếu sự quản lý, chăm sóc của cha mẹ và khi nghĩa vụ bồi thường thiệt hại đặt ra rất ít trường hợp trẻ em có tài sản riêng đủ để bồi thường. Do vậy cha mẹ là người có trách nhiệm bồi thường và nghĩa vụ này trong thực tế được thực hiện với tinh thần trách nhiệm cao của cha mẹ.

### **3.1.2.2. Hạn chế**

Bên cạnh những mặt tích cực về thực hiện quyền và nghĩa vụ của cha mẹ đối với con thì vẫn còn tồn tại rất nhiều điểm hạn chế, bất cập. Đó là hệ quả của rất nhiều yếu tố xã hội như: lối sống thực dụng của các bậc cha mẹ, sự coi trọng giá trị vật chất hơn là chăm lo gia đình, sự tác động tiêu cực của các nền văn hóa khác khi du nhập vào Việt Nam làm xói mòn các chuẩn mực đạo đức, mặt trái của sự phát triển kinh tế, tốc độ đô thị hóa... làm gia tăng gánh nặng “*com áo, gạo, tiền*” dẫn đến thiếu đi sự quan tâm, chăm sóc con trẻ, nạn phân biệt giữa các con do tàn dư của xã hội cũ để lại, sự thờ ơ của các cơ quan có thẩm quyền, của xã hội... tất cả những yếu tố đó đã ảnh hưởng tiêu cực tới việc thực hiện quyền và nghĩa vụ của cha mẹ dẫn đến sự phát triển không lành mạnh của con cái, nhiều trẻ lớn lên trong mặc cảm do bị đối xử thô bạo hoặc bị hành hạ cả về thể chất lẫn tinh thần từ chính cha, mẹ chúng, nhiều trẻ em bị bỏ rơi, không nơi nương tựa, ngoài ra còn có rất nhiều vụ án đau lòng đang xảy ra hàng ngày, hàng giờ mà nạn nhân chính là trẻ em – đối tượng cần được chăm sóc và bảo vệ đặc biệt.

Việt Nam vẫn là một nước nông nghiệp nên trẻ em nông thôn chiếm một tỷ lệ lớn, sự chênh lệch giàu, nghèo diễn ra một cách mạnh mẽ giữa thành thị và nông thôn. Điều đó dẫn đến chất lượng cuộc sống của trẻ em Việt Nam vẫn còn tương đối thấp và có sự khác nhau giữa các vùng, miền. Trong khi đó, các gia đình phải chịu áp lực hơn bao giờ hết để có đủ thu nhập trang trải các phí sử dụng dịch vụ xã hội như y tế và giáo dục. Điều này đồng thời góp phần làm tăng tình trạng chênh lệch xã hội. Với tỷ lệ di cư và tình trạng gia đình tan vỡ tăng lên, trẻ em Việt Nam đang đứng trước nguy cơ cao hơn bị lạm dụng, bóc lột, bạo lực và xao nhãng.



Ở Việt Nam, dân tộc thiểu số thường sinh sống chủ yếu ở các khu vực nông thôn miền núi và là những người ít được hưởng lợi nhất từ tăng trưởng kinh tế của đất nước. Tỷ lệ tử vong ở mẹ ở các khu vực miền núi xa xôi hẻo lánh như ở Tây nguyên và các vùng núi phía bắc cao hơn rất nhiều. Tỷ lệ tử vong ở trẻ dưới một tuổi ở các vùng Tây nguyên và Tây Bắc vẫn ở mức cao.

Theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình “*không thừa nhận sự phân biệt đối xử giữa các con*”. Tuy nhiên trên thực tế, hiện vẫn còn tàn dư của tư tưởng “*trọng nam khinh nữ*” và có sự phân biệt đối xử giữa các con nhất là ở những vùng nông thôn, những nơi dân trí còn thấp. Hiện tượng này đã gây ra tình trạng bất bình đẳng giữa các con, tâm lý mặc cảm, thiếu tình đoàn kết gây ảnh hưởng nghiêm trọng tới tình cảm gia đình. Ở những nơi kinh tế còn khó khăn thường cha mẹ chỉ cho con trai theo học văn hóa, con gái phải nghỉ học sớm ở nhà giúp đỡ cha mẹ và chăm sóc các em.

Thực tế hiện nay, các mối quan hệ trong gia đình nói riêng và xã hội nói chung ngày càng đa dạng, phức tạp. Tình trạng “*bố dượng, mẹ kế*”, “*con anh, con tôi, con chúng ta*”, tình trạng ngoại tình, ly thân, ly hôn... của cha mẹ đã tổn hại nghiêm trọng tới sự phát triển tâm sinh lý của con trẻ. Nhiều em đang là con ngoan, trò giỏi bỗng trầm cảm, học hành sa sút. Ở lứa tuổi “*ăn chưa no, lo chưa tới*” các em rất dễ bị tổn thương về tâm lý do những biến cố gia đình dẫn đến chán nản, sống buông thả và đánh mất tương lai. Vì vậy, có thể nhận thấy ở các gia đình không hạnh phúc con cái họ thường phát triển kém hơn bạn bè.

Vấn nạn bạo lực gia đình ở Việt Nam ngày càng đáng báo động, không ít trong số đó nạn nhân chính là trẻ em. Hậu quả của nó có thể là những tổn thương về thể chất và cũng có thể là những tổn thương về tâm lý không dễ gì hàn gắn. Với trường hợp con cái không phải là nạn nhân trực tiếp thì bạo lực gia đình cũng ảnh hưởng không nhỏ tới sự hình thành nhân cách và sự phát triển bình thường về tâm sinh lý của con trẻ. Bởi lẽ sống trong gia đình có bạo lực trẻ em dễ mắc phải những tổn thương về tâm lý, mặc cảm, tự ti. Có thể thấy song song với tình trạng cha mẹ nuông chiều con quá mức là tình trạng ngược đãi của cha mẹ đối với con cái. Có thể liệt kê rất nhiều những vụ án thương tâm, gây bất bình trong xã hội:

Gần đây là vụ án xét xử ông bố: Nguyễn Trung Huyền (SN 1992, trú tại Thạch Hòa, Thạch Thất, Hà Nội) để điều tra về tội “Giết người”. Nguyễn Trung Huyền làm nghề thợ mộc là nghi can trong vụ bé gái Đ.N.A (SN 2018) bị 9 chiếc đinh găm vào sọ não xảy ra vào đầu năm nay. Cháu A. Là con gái của chị N.T.L (SN 1995, trú tại Canh Nậu, Thạch Thất, Hà Nội) – người tình của Huyền

Theo thông tin từ vụ án, sau khi bố mẹ cháu A ly dị, đã về ở cùng mẹ là chị N.T.L. Khoảng tháng 9/2021, chị L cùng H và cháu A thuê căn nhà trọ tại xã Cần Kiệm, huyện Thạch Thất và chuyển đến ở. Bà H sống cách nhà trọ của cháu A khoảng 100m cho biết, Khoảng 9h ngày 17/1/2022, cháu được đưa đến nhà nhờ trông giúp vì gia đình nói “cháu không chịu ăn uống”. Sau đó, gia đình bà H thấy cháu A có biểu hiện bất thường đã gọi điện cho người thân cháu bé đến đón về. Chiều cùng ngày, chị L đưa con đến Bệnh viện Thạch Thất trong tình trạng hôn mê, co giật. Bệnh viện tiến hành chụp chiếu, chuẩn đoán trên phim có hình ảnh cản quang trên hộp sọ bệnh nhi.

Sáng 18/1/2022, cháu A đã được chuyển đến Bệnh viện Xanh Pôn tiến hành chụp cắt lớp, phát hiện có 9 dị vật trong hộp sọ, hình dạng giống như đinh gỗ ghim đâm vào tổ chức não. Tại thời điểm trên, Bệnh viện Xanh Pôn cho biết bệnh nhi đang điều trị ở khoa Hồi sức Nhi, tình trạng rất nguy kịch... Trong khoảng thời gian này, H nảy sinh ý định hành hạ, đánh đập cháu A. Để không ảnh hưởng đến cuộc sống với người tình. Ngày 17/1/2022, khi chị Linh đi làm, H đánh cháu A nhiều lần. Sau đó, đối tượng này đã găm 9 chiếc đinh vào đầu cháu bé (Theo trang báo 24h.com).

Ngoài vụ việc trên, cơ quan chức năng điều tra cũng làm rõ, trong thời gian sinh sống tại căn nhà trọ, Huyền cũng đã nhiều lần đánh đập, hành hạ cháu A.

Trước vụ án bạo hành ở trên, Tháng 9/2021, Lê Thành Công (43 tuổi, ở P.Xuân Đình, Q.Bắc Từ Liêm) dạy con gái ruột của mình học là bé L.H.A (6 tuổi) tại nhà riêng. Quá trình học, thấy bé A mất tập trung, chậm tiếp thu nên Công dùng đũa gỗ vục hơn 10 lần vào mu bàn tay trái, cánh tay trái và chân trái con gái.

Chưa dừng lại, Công tiếp tục bảo vợ lấy chổi để dạy con, nhưng vợ không tìm thấy chổi nên đưa một thanh tre dài khoảng 50 cm cho Công. Sau đó, Công tiếp tục vục vào mông, lưng con gái.

Sau đó, bé A bị nôn, nóng sốt nên được bố mẹ đưa đến Bệnh viện Nhi Trung ương thăm khám. Qua kiểm tra, các bác sĩ xác định bé A đã tử vong ngoại viện.

Cái chết của bé A là hồi chuông bừng tỉnh về cách dạy con và vấn nạn bạo hành trẻ em gây nhức nhối trong xã hội (Theo bản tin tại Baomoi.com cho biết).

Nhiều vụ bạo hành trẻ em liên tiếp được phản ánh. Cơ quan công an cũng đã quyết liệt vào cuộc và những bản án thích đáng đã được đưa ra. Thế nhưng làm sao để ngăn chặn những hành vi độc ác này xảy ra, làm sao bảo vệ những đứa bé, đứa trẻ hồn nhiên khỏi những trận đòn roi hay tra tấn như thế để không còn xảy ra vụ việc đáng tiếc, đau lòng là câu hỏi mà dư luận luôn đau đầu?

Không thể thống kê hết tình trạng bạo hành trẻ em của cha đẻ, mẹ đẻ của bố dượng, mẹ kế đối với con cái hay cha mẹ nuôi đối với con nuôi. Nhưng qua một vài ví

dụ cụ thể nêu trên có thể thấy quyền và nghĩa vụ của cha mẹ đối với con theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình Việt Nam đang bị vi phạm nghiêm trọng. Để ngăn chặn tình trạng này đòi hỏi sự góp sức của toàn xã hội, trước hết là sự thông tin, tố giác kịp thời của người dân và sự vào cuộc của các cơ quan chức năng trong việc phát hiện và xử lý nghiêm minh, kịp thời các vụ việc cha mẹ bạo hành, đánh đập con cái xảy ra trong thực tế tạo ra sức răn đe, giáo dục cho các bậc cha mẹ trong việc nuôi dạy con cái, nhất là ở những nơi kinh tế còn khó khăn, trình độ dân trí còn lạc hậu.

### **3.2. Một số giải pháp cụ thể nhằm hoàn thiện pháp luật về quyền và nghĩa vụ của cha mẹ đối với con**

Những vấn đề về hôn nhân và gia đình Việt Nam đã được Luật hôn nhân năm và gia đình năm 2000 quy định tương đối đầy đủ song sau 14 năm áp dụng vào thực tiễn đã bộc lộ những hạn chế nhất định và cần có sự điều chỉnh cho phù hợp với điều kiện kinh tế, xã hội hiện nay. Vì những lí do đó ngày 19/6/2014 Quốc hội đã thông qua Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, có hiệu lực kể từ ngày 01/01/2015. Trong đó những quy định về quyền và nghĩa vụ của cha mẹ đối với con được Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định rất rõ ràng, cụ thể tại Mục 1, Chương V của Luật, hầu hết các quy định về quyền và nghĩa vụ của cha mẹ đối với con theo Luật hôn nhân và gia đình năm 2000 đã được Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 sửa đổi, bổ sung, kết cấu lại điều luật cho hợp lý hơn.

Để pháp luật nói chung, pháp luật về quyền và nghĩa vụ của cha mẹ đối với con nói riêng thực sự đi vào cuộc sống, được tôn trọng và thực hiện nghiêm chỉnh, ngoài điều kiện Nhà nước cần ban hành những quy định cụ thể, thiết thực, phù hợp với truyền thống văn hóa của gia đình Việt Nam thì cần phải thực hiện đồng bộ nhiều giải pháp. Cụ thể là:

*Một là*, tăng cường công tác tuyên truyền, giáo dục pháp luật về Hôn nhân và gia đình qua các kênh thông tin, đồng thời phát huy vai trò của các đoàn thể quần chúng.

Để pháp luật về quyền và nghĩa vụ của cha mẹ đối với con được hiểu đúng, hiểu đủ và sâu rộng tới quần chúng nhân dân Nhà nước cần phải làm tốt công tác tuyên truyền, giáo dục pháp luật tới từng hộ gia đình thông qua các phương tiện truyền thông như báo, đài; thông qua các cơ quan, tổ chức có chuyên môn và các tổ chức xã hội như: Trung tâm trợ giúp pháp lý, Đoàn thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh, Hội liên hiệp phụ nữ...

Các cơ quan tổ chức có chuyên môn cần thực hiện thường xuyên các chuyên mục về giới thiệu, giải thích pháp luật về Hôn nhân gia đình, về nghĩa vụ của cha mẹ đối với con cho từng loại đối tượng, đặc biệt là những người trẻ mới lập gia đình hoặc

sắp bước vào độ tuổi kết hôn. Qua đó nêu lên những tấm gương tốt để mọi người noi theo và thực hiện đồng thời lên án mạnh mẽ những vi phạm và biểu hiện tiêu cực trong việc thực hiện quyền và nghĩa vụ của cha mẹ để giáo dục và răn đe.

Các cơ quan, đoàn thể đặc biệt là hệ thống các cơ quan từ cấp tỉnh trở xuống ít nhất mỗi năm một hoặc hai lần tổ chức các cuộc thi có giải tìm hiểu về pháp luật Hôn nhân và gia đình, đồng thời đối với các cơ quan chuyên môn cần cử cán bộ có chuyên môn xuống tận cơ sở để thực hiện việc tuyên truyền, phổ biến kiến thức nuôi dạy con tốt nhất là ở những nơi vùng sâu, vùng xa, vùng đặc biệt khó khăn...

Phát huy tốt hơn nữa vai trò của các đoàn thể quần chúng trong việc tuyên truyền pháp luật về hôn nhân gia đình. Công tác trẻ em phải được tổ chức thành các phong trào quần chúng sâu rộng và thường xuyên. Bên cạnh đó cần phát huy nội lực của các gia đình trong việc chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con cái. Thực hiện tốt công tác trợ giúp pháp lý cho những người thuộc đối tượng được trợ giúp liên quan đến lĩnh vực Hôn nhân gia đình nhằm bảo vệ quyền, lợi ích chính đáng của các em.

*Hai là*, đẩy mạnh việc thực hiện các chính sách pháp luật của Nhà nước có liên quan đến lĩnh vực Hôn nhân và gia đình.

Trong quá trình thực hiện các quy định của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Luật bảo vệ chăm sóc và giáo dục trẻ em năm 2004; Luật phòng chống bạo lực gia đình năm 2007... về quyền và nghĩa vụ của cha mẹ đối với con, Nhà nước cần bổ sung thêm các chính sách cụ thể, những biện pháp hữu hiệu để thực hiện có hiệu quả các quy định đó. Trong quá trình thực thi pháp luật cần có sự phối hợp của gia đình, nhà trường, các cơ quan chức năng và toàn xã hội nhất là việc phát hiện và xử lý kịp thời những hành vi vi phạm quyền và nghĩa vụ của cha mẹ đối với con cần nhận sự quan tâm thỏa đáng từ các cơ quan chức năng cũng như toàn xã hội.

Đối với các cơ quan chức năng mà trọng tâm là Tòa án và các cơ quan bảo vệ pháp luật khác cần phát huy tốt hơn nữa vai trò của mình trong việc phát hiện và xử lý kịp thời các vụ, việc có liên quan đến lĩnh vực Hôn nhân gia đình, ngăn chặn và xét xử nghiêm minh những tội phạm xâm hại đến trẻ em để giáo dục, răn đe nhằm bảo vệ các em tránh được những bạo lực không đáng có từ phía gia đình, người thân. Trong quá trình giải quyết, xét xử án Hôn nhân gia đình Tòa án cần có sự cân nhắc, quan tâm đúng mức tới đối tượng là trẻ em nhằm đảm bảo cho các em luôn có được sự quan tâm đầy đủ nhất từ cha mẹ, ngay cả khi hôn nhân giữa cha mẹ chúng không còn tồn tại.

Đối với các tổ chức xã hội như: Đoàn thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh; Hội liên hiệp phụ nữ Việt Nam; Tổng liên đoàn lao động Việt Nam... cần quan tâm chăm sóc, động viên kịp thời nhất là những em nhỏ có hoàn cảnh khó khăn. Vận động đóng

góp về vật chất và động viên về tinh thần, cùng với cha mẹ lo cho các em có một cuộc sống ấm no, đầy đủ và được cấp sách tới trường. Phát huy tốt hơn nữa vai trò của mình trong việc xây dựng làng văn hóa, khu phố văn hóa, gia đình văn hóa; tuyên truyền thực hiện kế hoạch hóa gia đình, phổ biến pháp luật về hôn nhân gia đình thông qua các buổi tọa đàm đối thoại, các cuộc thi... góp phần xây dựng gia đình hòa thuận, ấm no, hạnh phúc.

*Ba là*, Nhà nước ban hành các chính sách hỗ trợ phát triển kinh tế, nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho nhân dân nhằm tạo ra những điều kiện tốt nhất trong việc nuôi dạy con trẻ.

Nhìn chung trình độ phát triển kinh tế của nước ta trong những năm qua đã có những chuyển biến tích cực nhưng vẫn còn thấp kém. Mức sống của người dân tuy đã được nâng cao nhưng có sự chênh lệch giàu nghèo khá lớn. Do đó ngay cả ở khu vực thành thị thì vẫn có những gia đình có cuộc sống hết sức khó khăn. Tất cả những điều đó ảnh hưởng trực tiếp đến chất lượng cuộc sống, ảnh hưởng tới việc nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ em. Tình trạng trẻ em phải lao động sớm, thậm chí sống lang thang, bụi đời hay sa vào các tệ nạn xã hội diễn ra ngày càng nhiều không chỉ ở khu vực thị thành mà ở cả các vùng nông thôn. Để hạn chế tình trạng này Nhà nước với vai trò là chủ thể tích cực nhất cần có những đối sách phù hợp. Tạo điều kiện cho mọi gia đình được sống cuộc sống ấm no, hạnh phúc. Từ đó mới tạo cơ sở thể thực hiện tốt quyền và nghĩa vụ của cha mẹ đối với con.

Thực tế hiện nay trẻ em ở những vùng nông thôn và ở những nơi có điều kiện được nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục như những gì mà lẽ ra các em đáng được hưởng. Tình trạng bạo hành trẻ em, lạm dụng sức lao động, thất học... ở những nơi này cũng diễn ra phổ biến hơn so với khu vực thành thị. Chính vì thế Nhà nước cần có chính sách hỗ trợ cho những gia đình ở những khu vực này để họ có thể phát triển kinh tế, yên tâm làm ăn sinh sống và chăm lo cho con cái của họ. Đồng thời cũng cần có những biện pháp cụ thể để các em có độ tuổi đến trường được học tập, được phát triển lành mạnh cả về thể chất lẫn tinh thần. Có như vậy mới hạn chế được tình trạng trẻ em phải bỏ học sớm lao động kiếm sống đồng thời góp phần tạo điều kiện thuận lợi cho cha, mẹ thực hiện tròn nghĩa vụ đối với con cái của mình.

## KẾT LUẬN

Xuất phát từ tầm quan trọng của gia đình trong đời sống xã hội, theo từng giai đoạn với những đặc điểm khác nhau mà Nhà nước ta luôn ban hành kịp thời các văn bản pháp luật điều chỉnh về lĩnh vực Hôn nhân và gia đình. Những văn bản đó thật sự là tấm gương phản chiếu cuộc sống Hôn nhân và gia đình trong xã hội, là quan điểm, cách nhìn của Nhà nước đối với các vấn đề Hôn nhân gia đình. Nghiên cứu các quy định về quyền và nghĩa vụ của cha mẹ đối với con theo Luật hôn nhân và gia đình Việt Nam có thể nhận thấy pháp luật hiện hành đã quy định tương đối đầy đủ và chi tiết, tạo ra hành lang pháp lý vững chắc trong việc thực hiện các quyền và nghĩa vụ của cha mẹ đối với con. Đồng thời thông qua những quy định đó đã thể hiện rõ nét quan điểm của Nhà nước ta đối với trẻ em - đối tượng cần được chăm sóc và bảo vệ đặc biệt. Không thể phủ nhận vai trò, sự tiến bộ trong những quy định về quyền và nghĩa vụ của cha mẹ đối với con. Tuy nhiên nhiều quy định của Luật hôn nhân và gia đình năm 2000 hiện hành về vấn đề này vẫn còn những hạn chế, bất cập, khó áp dụng trong thực tế, có những vấn đề liên quan hiện tại vẫn chưa được pháp luật quy định hoặc quy định không rõ ràng. Những điều đó dẫn đến nhiều tranh chấp liên quan đến quyền và nghĩa vụ giữa cha mẹ và con còn khó giải quyết, quyền lợi của các chủ thể, đặc biệt là quyền lợi của con chưa được bảo đảm một cách thỏa đáng.

Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 được ban hành đã có những điều chỉnh về các quan hệ Hôn nhân gia đình nói chung, các quy định về quyền và nghĩa vụ của cha mẹ đối với con nói riêng phù hợp với điều kiện kinh tế, xã hội hiện nay. Với việc thực hiện tập trung các giải pháp từ các cơ quan chức năng, sự quan tâm đúng mức từ phía gia đình, nhà trường và toàn xã hội, những quy định này sẽ tạo ra cơ sở cho việc thực hiện các quyền và nghĩa vụ của cha mẹ đối với con cũng như trong việc giải quyết các tranh chấp nhằm bảo đảm quyền, lợi ích chính đáng của các chủ thể và góp phần xây dựng gia đình Việt Nam giàu truyền thống, bền vững, hạnh phúc.

## DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bộ Tư Pháp, Viện Khoa học pháp lý, Đinh Thị Mai Phương chủ biên (2004), Bình luận khoa học Luật hôn nhân và gia đình năm 2000, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội.
2. Bộ Tư Pháp, Viện Khoa học pháp lý (2006), Từ điển luật học, NXB Bách Khoa, NXB tư pháp, Hà Nội.
3. Chính Phủ (1950), Sắc lệnh của Chủ tịch Chính phủ nước Việt Nam Dân Chủ Cộng Hòa số 97/SL ngày 22/5/1950 sửa đổi một số quy lệ và chế định trong dân luật cũ và thay thế bằng những nguyên tắc mới, Hà Nội.
4. Chính phủ (2001), Nghị định số 70/2001/NĐ – CP ngày 03/10/2001 quy định chi tiết thi hành Luật hôn nhân và gia đình năm 2000, Hà Nội.
5. Chính phủ (2003), Nghị định số 12/2003/NĐ – CP ngày 12/02/2003 quy định về sinh con theo phương pháp khoa học, Hà Nội.
6. Chính phủ (2005), Nghị định số 36/2005/NĐ-CP ngày 17/03/2005 quy định chi tiết thực hiện một số điều của Luật bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em, Hà Nội.
7. Chính phủ (2005), Nghị định số 158/2005/NĐ-CP ngày 27/12/2005 về đăng ký và quản lý hộ tịch, Hà Nội.
8. Nguyễn Văn Cừ, Ngô Thị Hường (2002), Một số vấn đề lý luận và thực tiễn về Luật hôn nhân và gia đình 2000, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội.
9. Đại Hội đồng Liên hợp quốc (1989), Công ước quốc tế về quyền trẻ em 1989, Hà Nội.
10. Nguyễn Văn Cừ, Giáo trình Luật hôn nhân và gia đình Việt Nam, Đại học luật Hà Nội
11. Nguyễn Thị Gang (2013), Bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của con khi cha mẹ ly hôn theo Luật hôn nhân và gia đình năm 2000, Khóa luận thạc sĩ, Khoa Luật – Đại học Quốc gia Hà Nội;
12. Bùi Minh Giang (2013), Quyền và nghĩa vụ của cha mẹ sau ly hôn theo pháp luật Việt Nam, Khóa luận thạc sĩ, Khoa Luật – Đại học Quốc gia Hà Nội.
13. Ngô Thị Hường (2006), Chế định cấp dưỡng trong luật hôn nhân và gia đình – vấn đề lý luận và thực tiễn, Luận án tiến sĩ, Trường Đại học luật Hà Nội.
14. Nguyễn Thị Lan (2012), “Một số vấn đề về lạm quyền của cha mẹ đối với con”, Tạp chí Luật học, (2), tr. 32 - 39.
15. Trần Thị Thùy Liên (2012), Luật hôn nhân gia đình năm 2000 – Thành tựu, vướng mắc và hướng hoàn thiện, Khóa luận thạc sĩ, Khoa Luật – Đại học Quốc gia Hà Nội.

16. Phạm Xuân Linh (2006), “Bàn về nghĩa vụ cấp dưỡng của cha mẹ đối với con theo luật Hôn nhân và gia đình năm 2000”, Tạp chí dân chủ và pháp luật, (9), tr. 46 – 50, 60.

17. Tiến Long (2013), “Quan hệ giữa cha mẹ và con, giữa ông bà nội, ông bà ngoại và cháu, giữa anh chị em và giữa các thành viên trong gia đình, vấn đề cấp dưỡng và kiến nghị”, Tạp chí Tòa án nhân dân, (7), tr 18 - 24.

18. Quốc hội (1959), Luật hôn nhân và gia đình, Hà Nội.

19. Quốc hội (1986), Luật hôn nhân và gia đình, Hà Nội.

20. Quốc hội (1992), Hiến pháp 1992 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2001), Hà Nội.

21. Quốc hội (1998), Pháp lệnh về người tàn tật số: 06/1998/PL-UBTVQH10 ngày 30/7/1998, Hà Nội.

22. Quốc hội (2014), Luật hôn nhân và gia đình, Hà Nội.

23. Quốc hội (2015), Bộ luật Dân sự, Hà Nội.

24. Quốc hội (2004), Luật bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em, Hà Nội.

25. Quốc hội (2007), Luật phòng chống bạo lực gia đình, Hà Nội.

26. Quốc hội (2010), Luật nuôi con nuôi, Hà Nội

27. Quốc hội (2014), Luật hôn nhân và gia đình, Hà Nội.

28. Ngô Văn Thâu (2005), Pháp luật về Hôn nhân và gia đình trước và sau cách mạng tháng Tám, NXB tư pháp, Hà Nội.

29. Tòa án nhân dân tối cao (2012), 03/2012/NQ-HĐTP ngày 03/12/2012 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao Hướng dẫn áp dụng một số quy định của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Hà Nội.

30. Trường đại học Luật Hà Nội (2014), Giáo trình luật hôn nhân và gia đình Việt Nam, NXB Công an nhân dân, Hà Nội.

TRANG WEB:

31. <http://thuvienphapluat.vn>

32. <http://vbpl.vn/pages/portal.aspx>

33. <http://vanban.chinhphu.vn/portal/page/portal/chinhphu/hethongvanban>

34. <http://www.luatvietnam.vn/VL/trang-chu/>

35. <http://nlv.gov.vn/>

36. <http://www.24h.com.vn>

37. <http://www.anninhthudo.vn>

38. <http://www.unicef.org>

39. <http://www.baomoi.com>